

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang;

Căn cứ biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 ngày 15/4/2024.

QUYẾT NGHỊ:

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang được tổ chức vào ngày 15/4/2024, với sự tham gia của 29 Cổ đông và đại diện Cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 21.873.880 Cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 86,02% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung như sau:

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 (Báo cáo số 30/BC-XNK-HĐQT, ngày 12/4/2024)

Kết quả biểu quyết:

- *Tán thành: 21.873.880 Cổ phần, chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

- *Không tán thành: 0 Cổ phần, chiếm 0% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

- *Không có ý kiến: 0 Cổ phần, chiếm 0% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 (Báo cáo số 02/BC-XNK-BKS, ngày 12/4/2024)

Kết quả biểu quyết:

- *Tán thành: 21.873.880 Cổ phần, chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*



- Không tán thành: 0 Cổ phần, chiếm 0% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không có ý kiến: 0 Cổ phần, chiếm 0% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 3: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 (Báo cáo số 747/BC-XNK-KHKD, ngày 12/4/2024)

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 21.873.880 Cổ phần, chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không tán thành: 0 Cổ phần, chiếm 0% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không có ý kiến: 0 Cổ phần, chiếm 0% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán (Tờ trình số 31/TTr-XNK-HĐQT, ngày 12/4/2024)

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 21.873.880 Cổ phần, chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không tán thành: 0 Cổ phần, chiếm 0% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không có ý kiến: 0 Cổ phần, chiếm 0% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 5: Thông qua tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2024 (Tờ trình số 32/TTr-XNK-HĐQT, ngày 12/4/2024)

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

1.1 Mua vào

- Lương thực (quy gạo) : 265.000 tấn

- Cá com (quy tươi) : 900 tấn

- Xăng dầu : 18 triệu lít

1.2 Bán ra

- Lương thực (quy gạo) : 265.000 tấn

- Cá com (thành phẩm) : 225 tấn

- Xăng dầu : 18 triệu lít

1.3 Doanh thu : 4.303 tỷ đồng

1.4 Lợi nhuận trước thuế : 15 tỷ đồng

1.5 Nộp ngân sách: thực hiện theo đúng quy định.

2. Kế hoạch đầu tư phát triển

ĐVT: triệu đồng

S TT	Đơn vị được đầu tư	Tổng cộng	Vốn vay tối đa	Vốn Công ty & Quỹ ĐTPT
1.	Xí nghiệp Cá cơm Hòn Chông	2.000	1.400	600
2.	Xí nghiệp CBLT XK Thanh Hưng	1.160	560	600
3.	Xí nghiệp CBLT XK Sơn Thuận	400		400
4.	Xí nghiệp CBLT XK An Hoà	3.130	2.191	939
5.	Xí nghiệp CBLT XK Tân Phú	300		300
6.	Xí nghiệp KDXD An Bình	800		800
7.	Văn phòng Công ty	520		520
	Tổng cộng	8.310	4.151	4.159

Giá trị đầu tư trên chưa bao gồm thuế và phí theo quy định

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 21.873.880 Cổ phần, chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không tán thành: 0 Cổ phần, chiếm 0% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không có ý kiến: 0 Cổ phần, chiếm 0% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 6: Thông qua tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 (Tờ trình số 33/TTr-XNK-HĐQT, ngày 12/4/2024)

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023, như sau:

S TT	Chỉ tiêu	Phân phối	
		Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1.	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		21.025.094.364
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp		8.521.525.772
3.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	100%	12.503.568.592
3.1.	- Quỹ thưởng người quản lý (2,4% LNST)	2,4%	299.125.000
3.2.	- Quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)	10%	1.250.356.859
3.3.	- Quỹ khen thưởng (05% LNST)	05%	625.178.430
3.4.	- Quỹ phúc lợi (05% LNST)	05%	625.178.430
3.5.	- Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội	0,8%	100.000.000
3.6.	LNST TNDN năm 2023 còn lại	76,8%	9.603.729.873

S TT	Chỉ tiêu	Phân phối	
		Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
4.	LN ST năm 2022 chuyển sang		40.204.417
5.	Lợi nhuận sau thuế dùng để chi trả cổ tức		9.643.934.290
5.1.	- Cổ tức chi bằng tiền mặt: 3,75%/vốn điều lệ Công ty tương ứng 375 đồng/cổ phần (*)		9.536.250.000
5.2.	- LNST còn lại chuyển sang năm 2024		107.684.290

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024

ST T	Chỉ tiêu	Phân phối	
		Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1.	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		15.000.000.000
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp		3.000.000.000
3.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	100%	12.000.000.000
3.1.	- Quỹ thưởng người quản lý (03% LNST)	03%	360.000.000
3.2.	- Quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)	10%	1.200.000.000
3.3.	- Quỹ khen thưởng (05% LNST)	05%	600.000.000
3.4.	- Quỹ phúc lợi (05% LNST)	05%	600.000.000
3.5.	- Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội (0,83% LNST)	0,83%	100.000.000
3.6.	- LNST TNDN năm 2024 còn lại	76,17%	9.140.000.000
4.	LN ST năm 2023 chuyển sang		107.684.290
5.	Lợi nhuận sau thuế dùng để chi trả cổ tức		9.247.684.290
5.1.	- Trả cổ tức năm 2024 chi bằng tiền mặt: 3,59%/vốn điều lệ Công ty tương ứng 359 đồng/cổ phần (*)		9.129.370.000
5.2.	LNST còn lại chuyển sang năm sau		118.314.290

(*) Ủy quyền Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn thời gian chi trả cổ tức năm 2023 và tạm ứng cổ tức năm 2024 (nếu thấy cần thiết), thực hiện các thủ tục cần thiết để chốt danh sách cổ đông với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Kết quả biểu quyết:

- *Tán thành: 21.873.880 Cổ phần, chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

- *Không tán thành: 0 Cổ phần, chiếm 0% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

- *Không có ý kiến: 0 Cổ phần, chiếm 0% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

Điều 7: Thông qua tờ trình về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2024 (Tờ trình số 34/TTr-XNK-HĐQT, ngày 12/4/2024)

1. Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023:

1.1. Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động: 33.072 triệu đồng.

1.2. Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý: 2.393 triệu đồng.

1.3. Thù lao HĐQT, BKS, thư ký: 523 triệu đồng.

2. Thông qua kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2024.

2.1. Kế hoạch quỹ tiền lương của người lao động: 33.053 triệu đồng.

2.2. Kế hoạch quỹ tiền lương của người quản lý: 2.730 triệu đồng.

2.3. Kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS, thư ký: 636 triệu đồng.

Kết quả biểu quyết:

- *Tán thành: 21.873.880 Cổ phần, chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

- *Không tán thành: 0 Cổ phần, chiếm 0% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

- *Không có ý kiến: 0 Cổ phần, chiếm 0% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

Điều 8: Thông qua tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2024 (Tờ trình số 03/TTr-XNK-BKS, ngày 12/4/2024)

Kết quả biểu quyết:

- *Tán thành: 21.873.880 Cổ phần, chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

- *Không tán thành: 0 Cổ phần, chiếm 0% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

- *Không có ý kiến: 0 Cổ phần, chiếm 0% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

Điều 9: Thông qua tờ trình về ký hợp đồng hoặc giao dịch với người có liên quan (Tờ trình số 35/TTr-XNK-HĐQT, ngày 12/4/2024)

Kết quả biểu quyết:

- *Tán thành: 21.873.880 Cổ phần, chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu*



quyết dự họp.

- Không tán thành: 0 Cổ phần, chiếm 0% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không có ý kiến: 0 Cổ phần, chiếm 0% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 10: Thông qua tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2026 (Tờ trình số 36/TTr-XNK-HĐQT, ngày 12/4/2024)

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 21.873.880 Cổ phần, chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không tán thành: 0 Cổ phần, chiếm 0% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không có ý kiến: 0 Cổ phần, chiếm 0% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 11: Thông qua tờ trình miễn nhiệm thành viên BKS và bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026 (Tờ trình số 37/TTr-XNK-HĐQT, ngày 12/4/2024)

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: 21.873.880 Cổ phần, chiếm 100% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không tán thành: 0 Cổ phần, chiếm 0% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không có ý kiến: 0 Cổ phần, chiếm 0% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 12: Kết quả bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021 - 2026

Đại hội đã bầu thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo phương thức bầu dồn phiếu. Kết quả bầu như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số phiếu bầu	Tỷ lệ bầu cử
I.	Hội đồng quản trị			
1	Trần Tú Khanh	Thành viên HĐQT	21.873.880	100%
II.	Ban kiểm soát			
1	Trần Công Lý	Thành viên BKS	21.873.880	100%

Điều 13. Triển khai thực hiện Nghị quyết

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Nghị quyết được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang được thông qua toàn văn ngay tại cuộc họp./.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông Kigimex;
 - Tổng công ty LTMN;
 - HĐQT Công ty;
 - BKS công ty;
 - Ban TGD Công ty;
 - Các phòng nghiệp vụ;
 - Lưu: VT.
- (Tài liệu ĐHĐCĐ 2024).

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Bạch Ngọc Văn

**BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

- **Tên Công ty** : Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
- **Trụ sở chính** : 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang
- **Điện thoại** : (0297) 863 491 **Fax:** (0297) 862 309
- **Mã số doanh nghiệp** : Số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 07/11/2005, cấp thay đổi lần thứ 21 ngày 28/3/2023
- **Thời gian** : 15 giờ 00 ngày 15 tháng 4 năm 2024
- **Địa điểm** : Trụ sở chính của Công ty – số 85-87 đường Lạc Hồng, Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

PHẦN 1: GIỚI THIỆU – KHAI MẠC CUỘC HỌP

1. Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu

Ông Nguyễn Hoàng Thái – Trình bày Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu:

- Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày **08/3/2024**, sở hữu **25.430.000** cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

- Lúc 15 giờ, số lượng đại biểu tham dự Đại hội gồm 29 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 21.873.880 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 86,02% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

2. Thông báo danh sách Đoàn chủ tọa

Nhân sự Đoàn chủ tọa như sau:

- Ông Bạch Ngọc Văn, Chủ tịch HĐQT

Chủ tọa

- Bà Dương Thị Thanh Nguyệt, Phó CT HĐQT thường trực, TGD Thành viên
 - Ông Mai Thành Công, Phó CT HĐQT Thành viên
 - Ông Phạm Minh Trung, TV. HĐQT, Phó TGD Thành viên
- Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua nhân sự Đoàn chủ tọa.

3. Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội

- Bà Ngô Thị Thanh Trúc Trưởng ban
- Bà Lý Trần Hải Triều Thành viên

4. Đại hội biểu quyết thông qua danh sách Ban kiểm phiếu

Nhân sự Ban kiểm phiếu như sau:

- Ông Nguyễn Thanh Trí Trưởng Ban kiểm phiếu
- Ông Nguyễn Thanh Tiến Thành viên Ban kiểm phiếu
- Ông Trần Thanh Duy Thành viên Ban kiểm phiếu
- Bà Nguyễn Duy An Thành viên Ban kiểm phiếu
- Bà Nguyễn Nhật Thuý Anh Thành viên Ban kiểm phiếu

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu.

5. Ông Bạch Ngọc Văn thay mặt Đoàn chủ tọa thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua Chương trình Đại hội.

6. Ông Phạm Minh Trung thay mặt Đoàn chủ tọa thông qua Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

7. Ông Mai Thành Công thay mặt Đoàn chủ tọa thông qua Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát.

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát.

PHẦN 2: NỘI DUNG ĐẠI HỘI

I. Đại hội nghe trình bày các báo cáo

Nội dung 01: Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 (Báo cáo số 30/BC-XNK-HĐQT, ngày 12/4/2024).

Người trình bày: Ông Bạch Ngọc Văn – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nội dung 02: Báo cáo hoạt động của BKS năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 (Báo cáo số 02/BC-XNK-BKS, ngày 12/4/2024).

Người trình bày: Bà Trần Thị Mai Trinh – Trưởng Ban kiểm soát

II. Đại hội nghe trình bày các tờ trình

Nội dung 01: Tờ trình số 31/TTr-XNK-HĐQT ngày 12/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

Người trình bày: Bà Trần Thị Mai Trinh – Trưởng Ban kiểm soát.

Nội dung 02: Tờ trình số 32/TTr-XNK-HĐQT ngày 12/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2024.

Người trình bày: Bà Dương Thị Thanh Nguyệt – Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

Nội dung 03: Tờ trình số 33/TTr-XNK-HĐQT ngày 12/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024.

Người trình bày: Ông Phạm Minh Trung – Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc.

Nội dung 04: Tờ trình số 34/TTr-XNK-HĐQT ngày 12/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2024.

Người trình bày: Ông Phạm Minh Trung – Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc.

Nội dung 05: Tờ trình số 03/TTr-XNK-BKS ngày 12/4/2024 của Ban kiểm soát Công ty về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2024.

Người trình bày: Bà Trần Thị Mai Trinh – Trưởng Ban kiểm soát.

Nội dung 06: Tờ trình số 35/TTr-XNK-HĐQT ngày 12/4/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về việc ký hợp đồng hoặc giao dịch với người có liên quan.

Người trình bày: Ông Mai Thành Công – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nội dung 07: Tờ trình số 36/TTr-XNK-HĐQT ngày 12/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026.

Người trình bày: Ông Phạm Minh Trung – Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc.

Nội dung 08: Tờ trình số 37/TTr-XNK-HĐQT ngày 12/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026.

Người trình bày: Ông Phạm Minh Trung – Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc.

PHẦN 3: THẢO LUẬN

Sau khi nghe Ban lãnh đạo Công ty trình bày các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông, các Đại biểu không có nêu câu hỏi nào.

PHẦN 4: BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG

Tổng số phiếu phát ra: 29 phiếu đại diện cho 21.873.880 CP, chiếm 100% Tính trên số CP biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu thu về: 29 phiếu đại diện cho 21.873.880 CP, chiếm 100% Tính trên số CP biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không thu về: 0 phiếu đại diện cho 0 CP, chiếm 0% Tính trên số CP biểu quyết dự họp (Viết tắt là: CPBQ dự họp).

Nội dung 01: Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 (*Báo cáo số 30/BC-XNK-HĐQT, ngày 12/4/2024*).

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 29	- Số cổ phần: 21.873.880	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 01 đã được thông qua.

Nội dung 02: Thông qua báo cáo hoạt động của BKS năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 (*Báo cáo số 02/BC-XNK-BKS, ngày 12/4/2024*).

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 29	- Số cổ phần: 21.873.880	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 02 đã được thông qua.

Nội dung 03: Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 (*Báo cáo số 747/BC-XNK-KHKD, ngày 12/4/2024*).

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 29	- Số cổ phần: 21.873.880	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 03 đã được thông qua.

Nội dung 04: Thông qua Tờ trình số 31/TTr-XNK-HĐQT ngày 12/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 29	- Số cổ phần: 21.873.880	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 04 đã được thông qua.

Nội dung 05: Thông qua Tờ trình số 32/TTr-XNK-HĐQT ngày 12/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2024.

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 29	- Số cổ phần: 21.873.880	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 05 đã được thông qua.

Nội dung 06: Thông qua Tờ trình số 33/TTr-XNK-HĐQT ngày 12/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024.

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 29	- Số cổ phần: 21.873.880	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 06 đã được thông qua.

Nội dung 07: Thông qua Tờ trình số 34/TTr-XNK-HĐQT ngày 12/4/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2024.

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 29	- Số cổ phần: 21.873.880	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 07 đã được thông qua.

Nội dung 08: Thông qua Tờ trình số 03/TTr-XNK-BKS ngày 12/4/2024 của Ban kiểm soát Công ty về việc lựa chọn Công ty kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2024.

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 29	- Số cổ phần: 21.873.880	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 08 đã được thông qua.



Nội dung 09: Thông qua Tờ trình số 35/TTr-XNK-HĐQT ngày 12/4/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về việc ký hợp đồng hoặc giao dịch với người có liên quan.

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 29 - Số cổ phần: 21.873.880 - Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 09 đã được thông qua.

Nội dung 10: Thông qua Tờ trình số 36/TTr-XNK-HĐQT ngày 12/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026.

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 29 - Số cổ phần: 21.873.880 - Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 10 đã được thông qua.

Nội dung 11: Thông qua Tờ trình số 37/TTr-XNK-HĐQT ngày 12/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026.

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 29 - Số cổ phần: 21.873.880 - Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 11 đã được thông qua.

PHẦN 5: BẦU CỬ

Đại hội đã bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2021 – 2026 theo phương thức bầu dồn phiếu. Kết quả bầu như sau:

Stt	Họ và tên	Vị trí ứng viên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ bầu cử
I. Hội đồng quản trị				
1	Trần Tú Khanh	Thành viên HĐQT	21.873.880	100%
II. Ban kiểm soát				
1	Trần Công Lý	Thành viên BKS	21.873.880	100%

PHẦN 7: THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT CUỘC HỌP

Người trình bày: Bà Ngô Thị Thanh Trúc, Thư ký Đại hội: Đọc biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 với 100% số phiếu tán thành.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 với 100% số phiếu tán thành.

Biên bản và Nghị quyết đại hội lập thành 02 bản và được lưu tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 kết thúc vào lúc 17 giờ 30 phút ngày 15/4/2024.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Ngô Thị Thanh Trúc

TM. ĐOÀN CHỦ TỌA
CHỦ TỌA



Bạch Ngọc Văn





CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 (Bắt đầu lúc 15h 00 ngày 15 tháng 4 năm 2024)

Thời gian	Nội dung
14h30' - 15h00'	Đón khách và kiểm tra tư cách cổ đông: - Đón tiếp đại biểu và cổ đông; - Kiểm tra tư cách đại biểu, phát phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết, phiếu bầu cử và tài liệu Đại hội.
15h00' - 15h25'	Khai mạc Đại hội: - Tuyên bố lý do, giới thiệu Chủ tọa; - Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội; - Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tọa, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu; - Thông qua chương trình Đại hội (<i>ĐH biểu quyết</i>); - Thông qua Quy chế làm việc (<i>ĐH biểu quyết</i>); - Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên HĐQT, BKS (<i>ĐH biểu quyết</i>).
15h25' - 15h45'	Nội dung Đại hội: - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024; - Báo cáo hoạt động của BKS năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024; - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 (<i>Xem tài liệu</i>).
15h45' - 16h15'	Các tờ trình Đại hội: - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán; - Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2024; - Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024; - Tờ trình quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2024; - Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024; - Tờ trình về ký hợp đồng hoặc giao dịch với người có liên quan; - Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2026; - Tờ trình miễn nhiệm thành viên BKS và bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026.
16h15' - 16h25'	- Đại hội thảo luận và tiến hành biểu quyết từng vấn đề.

Thời gian	Nội dung
16h25' - 16h40'	- Nghỉ giải lao - Kiểm phiếu biểu quyết.
16h40' - 16h45'	- Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết.
16h45' - 17h00'	Đại hội bầu cử: - Hướng dẫn bầu cử và tiến hành bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021 - 2026; - Nghỉ giải lao tại chỗ - kiểm phiếu bầu cử; - Ban kiểm phiếu công bố kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS.
17h00' - 17h15'	- Mời phát biểu của Ông Nguyễn Huy Hưng - Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty lương thực miền Nam.
17h15' - 17h30'	- Ban thư ký đọc dự thảo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ; - Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024. - Tuyên bố bế mạc Đại hội.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang
Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 70 /BC-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày 12 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2023 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 như sau:

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Thuận lợi

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Tổng công ty Lương thực miền Nam đã chỉ đạo, định hướng trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công ty có mối quan hệ tốt với khách hàng trong và ngoài nước, đặc biệt là những khách hàng truyền thống luôn đồng hành và ủng hộ Công ty.
- Ngành lúa gạo cả nước đều đạt được thắng lợi cả sản lượng sản xuất và kim ngạch xuất khẩu, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, an ninh lương thực và tăng giá trị xuất khẩu hàng hóa nông sản.
- Tập thể lãnh đạo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các bộ chủ chốt toàn công ty đoàn kết, thống nhất quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Khó khăn

- Thị trường xuất khẩu gạo của Công ty còn hạn chế, chỉ tập trung vào Ghana và một số nước ở châu Phi. Trong khi đó, những thị trường nhập khẩu gạo Việt Nam với số lượng lớn như Philippines, Trung Quốc... thì chưa khai thác được, thị phần rất nhỏ.
- Ngành hàng cá cơm: Ngư trường cá cơm chịu tác động do thời tiết; các quy định về IUU hạn chế khai thác thủy sản gần bờ.
- Ngành xăng dầu: Tính hình cạnh tranh về mức chiết khấu giữa các đơn vị cung ứng xăng dầu trên địa bàn khá gay gắt.

Tóm lại, tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2023 có khó khăn và thuận lợi đan xen giữa các ngành hàng. Tuy nhiên, cùng với sự quan tâm hỗ trợ sâu sát của Tổng công ty Lương thực miền Nam; Hội đồng quản trị Công ty đã vận dụng thế mạnh nội tại và cơ hội có được để lãnh đạo, chỉ đạo ban điều hành kịp thời ứng



phó với những biến động, khó khăn bằng những giải pháp, chiến lược như: tăng cường công tác dự báo thị trường, theo dõi chặt chẽ mùa vụ,... và đã tổ chức triển khai tốt kế hoạch SXKD năm 2023 đạt được kết quả như sau:

II. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023

1. Kết quả kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo ban điều hành tổ chức triển khai thực hiện đạt, vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2023 như sau:

- Mua vào:

+ Lúa gạo (*Quy gạo*): 529.844 tấn, đạt 219,94% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ

+ Cá com (*Quy tươi*): 1.118 tấn, đạt 99,82% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ

+ Xăng dầu: 16,70 triệu lít, đạt 83,50% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ

- Bán ra:

+ Lúa gạo (*Quy gạo*): 517.203 tấn, đạt 206,88% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ

+ Cá com (*Thành phẩm*): 251 tấn, đạt 89,64% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ

+ Xăng dầu: 16,65 triệu lít, đạt 83,25% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ

- Doanh thu: 7.268 tỷ đồng, đạt 204,04% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ

- Lợi nhuận trước thuế: lãi 21,03 tỷ đồng, đạt 191,14% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ

- Nộp ngân sách (số phải nộp): 9,09 tỷ đồng.

2. Thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2023

Trong năm 2023 công ty đã triển khai được 04/11 hạng mục, với tổng giá trị thực hiện là 3,05 tỷ đồng, đạt 28,25% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ. Trong đó: Vốn vay trung hạn 2,00 tỷ đồng, vốn công ty là 1,05 tỷ đồng. Nguyên nhân, chưa triển khai thực hiện đầu tư một số hạng mục theo kế hoạch được duyệt là do: (i) Do tác động bởi chính sách IUU, cơ quan quản lý Nhà nước siết chặt việc khai thác thủy sản gần bờ; (ii) Thay đổi chính sách điều hành về lĩnh vực xăng dầu, cạnh tranh mức chiết khấu đầu ra ngày càng gay gắt hơn.

Công tác đầu tư được thực hiện đúng thủ tục, tuân thủ theo quy định của pháp luật, hướng dẫn của các Bộ ngành liên quan và Quy chế của Công ty.

3. Về tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý trong năm 2023

Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023; và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán trình Đại hội đồng cổ đông. Chi tiết tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty được báo cáo tại tờ trình về tiền lương, thù lao trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

4. Về hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị

Từng thành viên trong Hội đồng quản trị công ty đã thực hiện đầy đủ chức trách nhiệm vụ theo Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu quả hoạt động chung của Hội đồng quản trị; thường xuyên định hướng và chỉ đạo ban điều hành trong việc xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh toàn Công ty; thực hiện giao nhiệm vụ và các nguồn lực cần thiết để ban điều hành tổ chức thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; thực hiện thảo luận, biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm với quyết định của mình; thực hiện giám sát và chỉ đạo ban điều hành trong việc triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, các nhiệm vụ trọng tâm của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông giao.

5. Các cuộc họp và quyết định của Hội đồng quản trị

Trong năm 2023 Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức 30 cuộc họp, trong đó có 27 cuộc họp trực tiếp, 01 cuộc họp trực tuyến và 02 cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản về các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Hội đồng quản trị để định hướng, chỉ đạo ban điều hành lãnh đạo và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng Điều lệ, quy chế của Công ty và quy định của Pháp luật.

Hội đồng quản trị đã ban hành 33 Nghị quyết liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh, huy động vốn, đầu tư, lựa chọn đơn vị kiểm toán, chi trả cổ tức, tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và đảm bảo theo đúng quy định Điều lệ Công ty.

6. Về hoạt động giám sát của HĐQT đối với ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát đối với ban Tổng giám đốc Công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, thông qua chế độ báo cáo thường xuyên và đột xuất. Trong quá trình điều hành ban Tổng giám đốc đã tuân thủ theo đúng Điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Việc giám sát của Hội đồng quản trị được thực hiện theo nguyên tắc trung thực, cẩn trọng, khách quan, trực tiếp phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Ban Tổng giám đốc chủ động, kịp thời ứng phó với những diễn biến phức tạp, thay đổi của thị trường trong nước và thế giới, điều chỉnh phương pháp quản trị doanh nghiệp phù hợp theo từng thời điểm, giảm thiểu rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát thường xuyên và chỉ đạo ban Tổng giám đốc thực hiện các công việc trọng tâm sau:

- Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023.

- Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, bảo toàn và phát triển được vốn chủ sở hữu và đảm bảo hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu dưới 03 lần.

Kết quả giám sát:

- Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, việc tuân thủ các quy định Pháp luật, Điều lệ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty được thực hiện tốt.

- Ban Tổng giám đốc đã chủ động rà soát, kiểm soát tốt việc sử dụng vốn trong sản xuất kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao nhất, các chỉ đạo, kế hoạch của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông được ban điều hành triển khai thực hiện đúng kế hoạch, hoàn thành tốt các chỉ tiêu đã đề ra.

7. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty với các đối tượng có liên quan

Trong năm 2023 Công ty có ký hợp đồng mua bán hàng hóa với các đối tượng tương tự có liên quan theo đúng Điều lệ và quy định của Pháp luật.

III. Phương hướng nhiệm vụ của HĐQT trong năm 2024

1. Dự báo tình hình

Theo dự báo của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2023-2024 dự kiến đạt 515,4 triệu tấn, tăng 815 ngàn tấn so với cùng kỳ.

- Dự báo thương mại 2024: Cung - cầu xuất nhập khẩu gạo toàn cầu trong năm 2024 dự đoán ở mức 53,4 triệu tấn, tăng 615 ngàn tấn so với cùng kỳ.

+ Dự báo Philippines nhập khẩu 4,1 triệu tấn (tăng nhẹ so cùng kỳ), Indonesia 3.5 triệu tấn (cùng lượng nhập 2023), Trung Quốc 2,3 triệu tấn, Ghana 700 ngàn tấn (giảm nhẹ so cùng kỳ), các nước còn lại dự báo nhập khẩu bằng cho đến tăng nhẹ so với 2023.

+ Dự báo xuất khẩu: Ấn Độ, Thái Lan và Việt Nam giảm xuất khẩu, dự báo: Ấn Độ xuất khẩu 16,5 triệu tấn, Thái Lan 8,4 triệu tấn, Việt Nam 7,8 triệu tấn. Trong khi đó các nước tăng xuất khẩu là: Pakistan 5,5 triệu tấn (tăng 1 triệu tấn), và Trung Quốc 2,2 triệu tấn (tăng 0,6 triệu tấn).

- Tồn kho toàn cầu năm 2023 chuyển sang sẽ là 177,179 triệu tấn và dự báo tồn kho năm 2024 sẽ giảm 7,5 triệu tấn còn 169,7 triệu tấn.

- Hiện tượng El Nino vẫn tiếp tục kéo dài, do đó tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn, thiếu nước trong những tháng đầu mùa khô năm 2024 chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến sản xuất của các địa phương trong năm 2024.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh

2.1. Mua vào

- Lúa, gạo (*quy gạo*) : 265.000 tấn
- Cá cơm (*quy tươi*) : 900 tấn
- Xăng dầu : 18 triệu lít

2.2. Bán ra

- Lúa, gạo (*quy gạo*) : 265.000 tấn
- Cá cơm (*thành phẩm*) : 225 tấn
- Xăng dầu : 18 triệu lít
- 2.3. Doanh thu : 4.303 tỷ đồng
- 2.4. Lợi nhuận trước thuế : 15 tỷ đồng
- 2.5. Nộp ngân sách : Theo quy định.
- 3. Kế hoạch đầu tư năm 2024

Công ty xây dựng kế hoạch đầu tư năm 2024 là 8,31 tỷ đồng, trong đó: (i) Vốn vay tối đa 4,15 tỷ đồng, (ii) Vốn Công ty 4,16 tỷ đồng.

4. Định hướng hoạt động của HĐQT trong năm 2024

Năm 2024 tiếp tục thực hiện phương châm hành động là “**Đoàn kết – Sáng tạo – Tiết kiệm – Hiệu quả**” trên cơ sở đảm bảo phù hợp với mục tiêu định hướng năm 2024, Công ty đạt mục tiêu phân đầu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua. Theo đó, HĐQT Công ty đề ra các nhiệm vụ trọng tâm chỉ đạo ban điều hành thực hiện trong năm 2024, như sau:

- Phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục triển khai ứng dụng chuyên đổi số, công nghệ thông tin trong quản trị, quản lý doanh nghiệp.
- Tiếp tục mở rộng phát triển thị trường mới, khách hàng mới ngoài việc duy trì mối quan hệ tốt đối với các khách hàng truyền thống, khách hàng cũ. Công ty, ban điều hành tiếp tục phát huy, mở rộng thêm các sản phẩm mới, khách hàng mới và thị trường mới cho năm 2024.
- Giải pháp cụ thể để nâng cao năng lực quản trị, quản lý Công ty và tăng cường công tác kiểm soát rủi ro trong kinh doanh, tài chính để tăng năng lực cạnh tranh và hiệu quả.
- Chỉ đạo cán bộ chủ chốt toàn Công ty nâng cao năng lực công tác, quản lý điều hành để thích ứng theo quy mô, xu hướng thay đổi và phát triển của ngành, của Công ty.
- Tổ chức rà soát, sắp xếp đánh giá cán bộ, quy hoạch nguồn cán bộ lãnh đạo quản lý, ban Tổng giám đốc, lãnh đạo cấp phòng, đơn vị trực thuộc giai đoạn 2021 – 2026 và 2026 – 2031.
- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và Công ty.
- Tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực công tác thị trường, marketing, nâng cao trình độ nghiệp vụ ngoại thương, năng lực đàm phán, ký kết hợp đồng xuất khẩu.



- Thường xuyên rà soát và hoàn thiện các quy định, quy chế quản lý nội bộ cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, P.TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bạch Ngọc Văn



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 02 /BC-XNK-BKS

Kiên Giang, ngày 11 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần XNK Kiên Giang;

Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát năm 2023;

Căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần XNK Kiên Giang đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Ban kiểm soát (BKS) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của BKS trong năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ công tác của BKS năm 2024 với các nội dung sau:

I. Tình hình hoạt động chung của Ban Kiểm soát

1. Các thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát gồm có 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu cụ thể:

- Bà Trần Thị Mai Trinh – Trưởng ban kiểm soát chuyên trách;
- Ông Nguyễn Trường Giang – thành viên BKS kiêm nhiệm;
- Bà Trần Thị Phương Lan – thành viên BKS kiêm nhiệm.

2. Các hoạt động Ban kiểm soát đã thực hiện

- Tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ và đột xuất của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc;

- Thực hiện việc giám sát hoạt động và việc tuân thủ pháp luật theo quy định của luật doanh nghiệp và điều lệ công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác trong việc quản lý điều hành công ty;

- Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc;

- Xem xét các báo cáo của đơn vị kiểm toán;

- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh, kiểm tra sổ sách báo cáo kế toán của công ty định kỳ 6 tháng/ năm.

3. Thù lao, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

- Được chi trả theo chế độ và phê duyệt của ĐHCĐ. Các thành viên BKS kiêm nhiệm được hưởng thù lao nằm trong hạn mức đã được phê duyệt là 4 triệu đồng/người/tháng.

- Về chi phí hoạt động của Ban kiểm soát chủ yếu là chi cho các khoản công tác phí đi lại kiểm tra tại các đơn vị định kỳ, được công ty thanh toán đúng theo quy định pháp luật.

4. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, họp định kỳ 6 tháng, các thành viên tham gia trao đổi và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp. Các cuộc họp của Ban kiểm soát thảo luận về các vấn đề liên quan đến kế hoạch công tác kiểm tra, kiểm soát, đánh giá các mặt làm được và chưa làm được, trong các cuộc họp cả 3 thành viên cùng thống nhất với các kết quả kiểm tra và kiến nghị đã được nêu tại các báo cáo kiểm tra.

II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động tài chính của Công ty

1. Thẩm định báo cáo tài chính

Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm tra báo cáo tài chính năm 2023 của công ty Cổ phần XNK Kiên Giang được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam và xác nhận kết quả như sau:

- Báo cáo tài chính của công ty năm 2023 đã được kiểm toán đúng theo chuẩn mực kế toán Việt nam và các qui định của pháp luật hiện hành, báo cáo được trình bày trung thực, hợp lý, khách quan.

- Ban kiểm soát nhất trí với các số liệu cũng như nhận xét của kiểm toán viên đưa ra trong báo cáo tài chính năm 2023 của công ty.

2. Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2023 về kết quả kinh doanh Kết quả kinh doanh

T	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	So sánh thực hiện với kế hoạch 2023 (%)
1	Mua vào				
a	Lúa, gạo (quy gạo)	Tấn	250.000	529.844	212,94
b	Cá cơm (quy tươi)	Tấn	1.120	1.118	99,82
c	Xăng dầu	Triệu lít	20	16,70	83,50
2	Bán ra				
a	Lúa, gạo (quy gạo)	Tấn	250.000	517.203	206,88

b	Cá cơm	Tấn	280	251	89,64
c	Xăng dầu	Triệu lít	20	16,65	83,25
3	Kim ngạch xuất khẩu	Tr. USD	122	255	209,02
4	Doanh thu	Tỷ đồng	3.563	7.268	204,04
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	11	21,03	191,14
6	Nộp ngân sách (số phải nộp)	Tỷ đồng	Theo quy định	9,09	

Trong năm 2023 Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch SXKD theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

3. Về hoạt động đầu tư năm 2023

Kết quả thực hiện đầu tư năm 2023: Công ty đã triển khai được 04/11 hạng mục, với tổng giá trị thực hiện là 3,05 tỷ đạt 28,25% so với kế hoạch được duyệt. Trong đó: Vốn vay trung hạn 2 tỷ, vốn công ty là 1,05 tỷ. Nguyên nhân chưa triển khai thực hiện đầu tư một số hạng mục là do: (i) do tác động bởi chính sách IUU, cơ quan quản lý siết chặt việc khai thác thủy sản gần bờ; (ii) Thay đổi chính sách điều hành về lĩnh vực xăng dầu, cạnh tranh mức chiết khấu đầu ra ngày càng gay gắt.

Ban kiểm soát nhận định HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng thủ tục đầu tư, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

III. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Về nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023, công ty đã thực hiện với kết quả như sau:

- Công ty đã lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 là Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM;
- Công ty đã thực hiện chi tiền lương, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, ban điều hành năm 2023 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Thực hiện đạt kế hoạch các chỉ tiêu kế hoạch SXKD theo NQ Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 theo nghị Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 như sau:
 - + Chia cổ tức: 5.086.000.000 đồng;
 - + Quỹ thưởng người quản lý: 56.806.570 đồng;
 - + Quỹ đầu tư phát triển: 170.419.709 đồng;
 - + Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi: 227.226.280 đồng;
 - + Quỹ tham gia hoạt động từ thiện: 100.000.000 đồng.

IV. Đánh giá về các giao dịch mua, bán với các bên có liên quan với công ty

Trong năm 2023 Công ty đã ký hợp đồng mua hàng hóa với Tổng công ty Lương thực miền Nam (Công ty mẹ) và các bên có liên quan theo đúng quy định, Điều lệ công ty và quy định của Pháp luật và đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

V. Đánh giá công tác quản lý của HĐQT

Các hoạt động của HĐQT trong năm 2023 đều thực hiện đúng với chức năng nhiệm vụ quyền hạn theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty cụ thể:

- HĐQT đã nghiêm túc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và các nội dung trong Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông;
- Họp định kỳ hàng quý hoặc đột xuất xem xét, đánh giá tình hình SXKD từng tháng, quý và đề ra các giải pháp, phương hướng cho quý tiếp theo;
- Các thành viên HĐQT tuân thủ đầy đủ điều lệ, quy chế quản lý, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
- Giữa HĐQT, Ban TGD, Ban kiểm soát luôn có sự phối hợp chặt chẽ, các nội dung thảo luận và biểu quyết đều thực hiện công khai đúng quy định.

VI. Đánh giá công tác điều hành của ban TGD

Ban TGD đã triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Công ty. Năm 2023 với sự nỗ lực và quyết tâm cao của Ban điều hành và tập thể người lao động đã hoàn thành kế hoạch SXKD của Công ty, đây cũng là kết quả rất đáng trân trọng.

VII. Một số đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị

Để giữ vững tốc độ tăng trưởng và thực hiện mục tiêu chiến lược kinh doanh trong năm 2023. Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

- Tiếp tục tăng cường kiểm soát tốt các khoản chi phí, bảo toàn các cơ hội kinh doanh để đạt được kết quả như kế hoạch đề ra và hoàn thành sớm các chỉ tiêu kế hoạch SXKD được Đại hội đồng cổ đông giao;
- Duy trì hoạt động kiểm soát nội bộ, kịp thời điều chỉnh, bổ sung, ban hành mới các qui định, quy chế phù hợp với tình hình thực tế hoạt động tại Công ty;
- Tiếp tục kiểm soát tốt hàng tồn kho, chất lượng đầu vào, đầu ra của các đơn vị trực thuộc nhằm giảm tối đa chi phí, giảm giá thành, tăng cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành;
- Thực hiện tốt công tác dự báo thị trường của 3 ngành hàng để có kế hoạch mua vào, bán ra phù hợp;
- Tăng cường công tác thu hồi công nợ đến hạn, nợ khó đòi, tiết giảm tối đa chi phí nhằm tăng lợi nhuận cho Công ty.

VIII. Kế hoạch kiểm tra giám sát và thù lao chi phí hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024

1. Giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc;
2. Giám sát việc chấp hành điều lệ, nghị quyết ĐHĐCĐ/HĐQT, quy định, quy chế công ty;
3. Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng/năm của công ty;
4. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các dự án đầu tư trong năm 2024;

5. Kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn, phân phối lợi nhuận, quyết toán quỹ tiền lương, công tác kiểm kê và thực hiện các định mức, các biện pháp tiết giảm chi phí;

6. Kiểm tra tính tuân thủ, tình hình quản lý tài chính trong các hoạt động kinh doanh;

7. Lập các báo cáo giám sát định kỳ theo quy định;

8. Dự kiến chi phí hoạt động và thù lao BKS

- Dự kiến chi phí hoạt động năm 2024: Chi cho các đợt đi kiểm tra tại các đơn vị trực thuộc khoảng 100 triệu/ năm.

- Thù lao BKS thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch hoạt động của ban kiểm soát năm 2024 kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 xem xét thông qua.

Chúc đại hội thành công tốt đẹp./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trần Thị Mai Trinh

*** Nơi nhận:**

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT. BKS.





CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang
Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 747/BC-XNK-KHKD

Kiên Giang, ngày 12 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023.

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Thuận lợi

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Tổng công ty Lương thực miền Nam và Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo, định hướng trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công ty có mối quan hệ tốt với khách hàng trong và ngoài nước, đặc biệt là những khách hàng truyền thống luôn đồng hành và ủng hộ Công ty.

- Được các ngân hàng thương mại hỗ trợ cho vay đủ và kịp thời nhu cầu vốn theo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ban Lãnh đạo Công ty luôn quyết tâm, đoàn kết và cùng với cán bộ, nhân viên Công ty hợp thành một thể thống nhất trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD.

- Tình hình mùa vụ năm 2023 đạt năng suất đạt cao và tăng so với cùng kỳ, nhất là vụ Đông Xuân 2022-2023. Ngành lúa gạo cả nước đều đạt được thắng lợi cả về năng suất, sản lượng và giá trị, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, an ninh lương thực và tăng giá trị xuất khẩu hàng hóa nông sản.

- Chính sách xuất, nhập khẩu thế giới có những biến chuyển như: Indonesia tăng sản lượng dự trữ, nhập khẩu gạo 5% tấm, Ấn Độ ngưng xuất khẩu từ quý II/2023... đã tạo thời cơ cho ngành xuất khẩu lương thực Việt Nam tăng tốc.

2. Khó khăn

- Thị trường xuất khẩu gạo của Công ty còn hạn chế, chỉ tập trung vào Ghana và một số nước ở châu Phi. Trong khi đó, những thị trường nhập khẩu gạo Việt Nam với số lượng lớn như Philippines, Trung Quốc... thì chưa khai thác được, thị phần rất nhỏ.

Trong xu thế cạnh tranh ngày càng khốc liệt như hiện nay, Công ty đang đối mặt với khó khăn: máy móc thiết bị thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu khách hàng, sản phẩm chưa đạt độ trong, bóng; năng lực đóng gói túi nhỏ còn kém; công suất xuất – nhập thấp... Thêm nữa, định phí của Công ty rất cao so với các đối thủ cạnh tranh.

- Ngành hàng cá com: (một) là do ngư trường cá com chịu tác động do thời tiết; (hai) là các quy định về IUU hạn chế khai thác thủy sản gần bờ.

- Ngành xăng dầu: tình trạng các tàu khai thác thủy sản tạm ngưng hoạt động do không đáp ứng đủ điều kiện của IUU quy định, nên sản lượng cung ứng cho nhóm khách hàng này giảm đáng kể; sự cạnh tranh về mức chiết khấu giữa các đơn vị cung ứng xăng dầu trên địa bàn khá gay gắt; giá xăng dầu biến động; nguồn cung không ổn định.

Tóm lại tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2023 có khó khăn và thuận lợi đan xen giữa các ngành hàng. Tuy nhiên, cùng với sự quan tâm hỗ trợ sâu sát của cổ đông lớn là Tổng công ty Lương thực miền Nam; Hội đồng quản trị Công ty đã vận dụng thế mạnh nội tại và cơ hội có được để chỉ đạo, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh ứng phó với những biến động, khó khăn bằng những giải pháp, chiến lược như: tăng cường công tác dự báo thị trường, theo dõi chặt chẽ mùa vụ ... và đã tổ chức triển khai tốt kế hoạch SXKD năm 2023 đạt được kết quả như sau:

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

1. Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu

STT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	So với kế hoạch (%)
1	Mua vào				
a	Lúa, gạo (quy gạo)	Tấn	250.000	529.844	211,94
b	Cá com (quy tươi)	Tấn	1.120	1.118	99,82
c	Xăng dầu	Triệu lít	20,00	16,70	83,50
2	Bán ra				
a	Lúa, gạo (quy gạo)	Tấn	250.000	517.203	206,88
b	Cá com (thành phẩm)	Tấn	280	251	89,64
c	Xăng dầu	Triệu lít	20,00	16,65	83,25
3	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	122	255	209,02
4	Doanh thu	Tỷ đồng	3.562	7.268	204,04
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	11,00	21,03	191,14
6	Nộp ngân sách (số phải nộp)	Tỷ đồng	Theo quy định	9,09	

2. Thuyết minh

2.1 Sản lượng mua vào, bán ra 03 ngành hàng

- Lúa, gạo (quy gạo): Mua vào 529.844 tấn, đạt 211,94% kế hoạch. Bán ra 517.203 tấn, đạt 206,88% kế hoạch.

- Cá cơm: Mua vào 1.118 tấn, đạt 99,82% kế hoạch. Bán ra 251 tấn, đạt 89,64% kế hoạch.

- Xăng dầu: Mua vào 16,70 triệu lít, đạt 83,50% kế hoạch. Bán ra 16,65 triệu lít, đạt 83,25% kế hoạch.

2.2. Kim ngạch xuất khẩu: 255 triệu USD, đạt 209,02% kế hoạch.

2.3. Doanh thu: 7.268 tỷ đồng, đạt 204,04% kế hoạch.

2.4. Lợi nhuận trước thuế: 21,03 tỷ đồng, đạt 191,14% kế hoạch.

2.5. Nộp ngân sách (Số phải nộp): 9,09 tỷ đồng.

III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

- Ngành hàng xăng dầu chịu sự tác động của bất ổn chính trị, suy thoái kinh tế, nguồn cung xăng dầu, giá cả không ổn định, mức chiết khấu không còn hiệu quả... Công ty mạnh dạn quyết định hợp tác khai thác kho chứa, đảm bảo lợi nhuận cho ngành hàng.

- Thị trường tiêu thụ cá cơm chưa phục hồi, cạnh tranh giá bán gay gắt, trong khi chi phí khai thác tăng..., đã tác động tiêu cực lên kết quả kinh doanh của đơn vị.

- Năm nay, ngành lương thực có bước đột phá, sản lượng mua vào - bán ra đạt gấp hai lần sản lượng kế hoạch, mang lại lợi nhuận khá cao cho Công ty. Thành quả này đã đánh dấu kỷ lục trong ngành xuất khẩu lương thực của Công ty với sản lượng xuất khẩu trên 440.000 tấn và kim ngạch xuất khẩu thu về trên 255 triệu USD.

Có được kết quả trên là do việc bám sát thông tin thị trường, nắm bắt thời cơ và quyết đoán trong kinh doanh của Ban điều hành Công ty, nhất là người đứng đầu HĐQT. Mặc dù, tình hình thị trường, mùa vụ những tháng đầu năm hết sức khó khăn, nhưng Ban điều hành đã từng bước vượt qua và tiến tới thắng lợi.

1. Về công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh

Công ty đã triển khai thực hiện tốt kế hoạch SXKD đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023:

- Thực hiện tốt công tác nắm bắt thông tin về thời vụ, thị trường; tổ chức thực hiện và giám sát, kiểm tra việc mua bán hàng hóa đúng điều lệ, quy chế, quy định, hiện hành của Công ty và quy định của pháp luật, đặc biệt chú trọng an toàn tiền hàng, thường xuyên kiểm soát chất lượng, số lượng hàng hóa.

- Nâng cao chất lượng, thỏa mãn nhu cầu khách hàng; tăng cường công tác giao dịch bán hàng và khai thác khách hàng, thị trường mới, đồng thời thực hiện tốt công tác duy trì, chăm sóc khách hàng truyền thống.

- Thường xuyên đánh giá nhà cung ứng, phát triển hệ thống nhà cung ứng. Tạo mối quan hệ tốt với nhà cung cấp, có biện pháp hỗ trợ khi cần thiết. Trong giao dịch mua bán đánh giá chính xác khách hàng, lựa chọn khách hàng thực sự uy tín, an toàn. Giữ mối quan hệ với các doanh nghiệp đầu mối xăng dầu, nắm bắt thông tin về mức hoa hồng và chiết khấu, chính sách bán hàng trong từng thời điểm của doanh nghiệp. Chủ động nguồn hàng kịp thời, theo dõi thường xuyên diễn biến giá cả thị trường trong nước và quốc tế, bám sát chủ trương giá của Nhà nước, giữ được khách hàng ổn định cùng với tìm kiếm thêm khách hàng tiêu thụ.

2. Về quản lý sản xuất chế biến

- Công ty thực hiện và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc bám sát mùa vụ, thị trường, tăng số lượng nhà cung ứng (hàng xáo), đẩy mạnh công tác mua vào, bán ra để đạt kế hoạch sản lượng và định phí.

- Xây dựng kế hoạch và kiểm soát mua vào, bán ra đảm bảo phương án tối ưu và hiệu quả dựa trên: (i) Giá nguyên liệu đầu vào thấp, nhưng phải đảm bảo chất lượng; (ii) Tiết kiệm chi phí trong sản xuất; (iii) Tăng tỷ lệ thu hồi.

- Sản xuất chế biến đảm bảo thực hiện theo quy chế quản lý sản xuất chế biến của Công ty, Nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm và tiêu chuẩn ATVSTP để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

3. Về công tác tổ chức nhân sự, lao động và tiền lương

3.1. Về tình hình sử dụng lao động:

- Công ty đã tái cơ cấu bộ máy tổ chức để bố trí, sử dụng lao động phù hợp với mô hình tổ chức hiện tại theo hướng tinh gọn, nâng cao phương thức quản trị, tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả doanh nghiệp; kiện toàn các chức danh lãnh đạo, quản lý toàn Công ty.

- Sau khi sắp xếp lại lao động, tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2023 là 254 người, giảm 12 người so với kế hoạch 2023.

3.2 Về tiền lương: Tổng quỹ tiền lương thực hiện là 35,465 tỷ đồng, đạt 139,20% kế hoạch. Trong đó, quỹ tiền lương của người quản lý ước thực hiện là 2,393 tỷ đồng, đạt 120% kế hoạch; quỹ tiền lương của người lao động ước thực hiện là 33,072 tỷ đồng, đạt 140,80% kế hoạch. Tiền lương bình quân là 11,19 triệu đồng/người/tháng, đạt 140% kế hoạch.

3.3. Về chế độ chính sách: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định, chi lương bổ sung trong các dịp lễ, Tết.

4. Về công tác quản lý tài chính kế toán

- Tuân thủ quy định và chuẩn mực kế toán. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị trực thuộc. Thường xuyên kiểm soát chi phí và các chỉ tiêu tài chính theo đúng quy định.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính, đảm bảo có đủ nguồn vốn ổn định cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công ty đã được HĐQT Tổng công ty Lương thực miền Nam-công ty cổ phần phê duyệt kế hoạch huy động vốn năm 2023 với tổng hạn mức tại các tổ chức tín dụng là 2.070 tỷ đồng (số 197/LTMN-HĐQT, ngày 09/02/2023). Công ty đã tái

ký hợp đồng tín dụng tại 7 ngân hàng và mở rộng 1 ngân hàng mới (MB Bank) với hạn mức được cấp 200 tỷ đồng.

- Trong năm 2023, Công ty đã giải ngân 5.065 tỷ đồng, trong đó: vay thu mua lúa, gạo là 4.800 tỷ đồng, vay mua xăng dầu là 263 tỷ đồng và vay dài hạn là 1,22 tỷ đồng, đạt 168% kế hoạch vốn năm 2023.

- Số dư nợ vay đến 31/12/2023 là 1.439,77 tỷ đồng, cụ thể: (1) Vay ngắn hạn: 1.435,94 tỷ đồng; (2) Vay dài hạn 3,83 tỷ đồng.

- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2023 là: 2,83 lần, đúng theo quy định tại điều 20 Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ.

Tóm lại, trong năm 2023 Công ty thực hiện huy động vốn kịp thời, đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động SXKD, sử dụng vốn vay đúng mục đích, đảm bảo cân đối đủ nguồn trả nợ gốc và lãi vay đúng quy định, không để phát sinh nợ quá hạn, góp phần hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2023.

5. Về công tác đầu tư

Kế hoạch đầu tư, xây dựng cơ bản năm 2023 của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2023 thông qua tại Nghị quyết số 39/NQ-XNK-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2023 với tổng giá trị là 10,81 tỷ đồng, trong đó các hạng mục chuyển tiếp từ năm 2022 là 6,5 tỷ đồng, kế hoạch đầu tư mới năm 2023 là 4,31 tỷ đồng.

Trong năm 2023 công ty đã triển khai được 04/11 hạng mục, với tổng giá trị thực hiện là 3,054 tỷ đồng, đạt 28,25% so với kế hoạch được duyệt. Trong đó: Vốn vay trung hạn 2 tỷ đồng, vốn công ty là 1,054 tỷ đồng. Nguyên nhân, chưa triển khai thực hiện đầu tư một số hạng mục theo kế hoạch được duyệt là do:

+ Hạng mục đầu tư xin chuyển tiếp sang năm 2024 (01 hạng mục): Đầu tư tàu thu mua Cá cơm (tàu đã qua sử dụng).

+ Hạng mục không thực hiện đầu tư theo kế hoạch 2023: 06 hạng mục (đã nêu ở phần trên), với lý do: (1) Do tác động bởi chính sách IUU, cơ quan quản lý Nhà nước siết chặt việc khai thác thủy sản gần bờ; (2) Thay đổi chính sách điều hành về lĩnh vực xăng dầu, cạnh tranh mức chiết khấu đầu ra ngày càng gay gắt hơn; (3) Công ty rà soát lại những hạng mục cấp bách để triển khai đầu tư phù hợp theo từng thời kỳ nhằm tiết kiệm chi phí và hiệu quả đầu tư.

Ngoài ra, cuối năm 2023 có thêm 01 xe ô tô 07 chỗ (Kia Carnival Signature) để phục vụ cho hoạt động SXKD công ty. Lý do: Các xe công ty đã cũ, xuống cấp và công ty đã thanh lý để thu hồi vốn.

Công tác đầu tư được thực hiện đúng thủ tục pháp lý tuân thủ theo Nghị định, Thông tư hướng dẫn của các Bộ ngành liên quan và các Quy chế của Công ty ban hành.

- Bên cạnh đó, Công ty xây dựng kế hoạch sửa chữa, nâng cấp máy móc thiết bị tại các xí nghiệp trực thuộc và sửa chữa văn phòng Công ty với giá trị khái toán được thông qua theo Nghị quyết số 59/NQ-XNK-HĐQT ngày 25/4/2023 là 7,9 tỷ

đồng (giá trị thuần chưa thuế và phí theo quy định). Nguồn vốn đầu tư từ vốn chủ sở hữu.

Kết quả triển khai tổng giá trị thực hiện 7,9 tỷ đồng, đạt 100% so với kế hoạch; ước thực hiện giải ngân toàn bộ là 7,9 tỷ đồng. Từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty.

6. Về các công tác khác

6.1. Công tác quản lý và khai thác kho chứa, thiết bị: Việc khai thác sử dụng thiết bị, kho chứa còn nhiều hạn chế so với công suất thiết kế. Công ty đã thực hiện chủ trương hợp tác kinh doanh, cho thuê tài sản, mặt bằng phù hợp với phương án sử dụng đất, tạo nguồn thu bù đắp định phí. Trong 5 tháng cuối năm 2023, Công ty đã thực hiện hợp tác khai thác bồn chứa xăng dầu và thu về 500 triệu đồng.

6.2. Tình hình và kết quả xử lý, thanh lý tài sản: Công ty đã thực hiện Nghị quyết số 114/NQ-XNK-HĐQT ngày 09/9/2023 của Hội đồng quản trị Công ty, phê duyệt chủ trương cho thanh lý tài sản không cần dùng đủ điều kiện thanh lý, với nguyên giá là 11,22 tỷ đồng; giá trị còn lại đến ngày 31/10/2023 là 0,79 tỷ đồng. Kết quả là Công ty đã bán thanh lý tài sản với số tiền thu được là 1,03 tỷ đồng.

6.3. Tình hình quản lý và sử dụng đất đai: Tổng diện tích đất Công ty đang quản lý đến 31/12/2023 là 311.583 m² (23 thửa) gồm: (i) Đất thuê trả tiền 01 lần (50 năm) là 868 m² (04 thửa); (ii) Đất thuê trả tiền hàng năm là 299.032 m² (18 thửa); (iii) Đất nhận chuyển nhượng chưa thực hiện chuyển đổi sở hữu sang tên Công ty là 11.683 m². Hiện nay, Công ty đã được UBND tỉnh Kiên Giang cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 22 thửa với diện tích 299.900 m², từ tên Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang sang tên hiện tại là Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

6.4. Tình hình thu hồi công nợ: Công ty đã thành lập Ban chỉ đạo thu hồi nợ, Tổ thu hồi nợ tại từng đơn vị để phối hợp cùng với Ban chỉ đạo thu hồi nợ của Công ty tìm giải pháp cải thiện tình hình thu hồi công nợ. Tính đến ngày 31/12/2023, tổng dư nợ khó đòi là 459 triệu đồng (đã trích lập dự phòng 100%). Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa thu hồi được do một đối tượng nợ không còn tài sản để thu hồi, một số khác không liên lạc được do không còn ở địa chỉ cũ.

6.5. Về hoạt động pháp lý, thanh tra, kiểm tra - giám sát

- Công tác xây dựng, ban hành văn bản quản lý, điều hành: Ban hành định mức hao hụt xăng dầu, quy chế dân chủ cơ sở, quy chế hệ thống bảng lương và quy chế trả lương. Đã rà soát và xây dựng dự thảo quy chế Công bố thông tin, quy chế quản lý và xử lý văn bản,...

- Thành lập các tổ công tác kiểm tra, giám sát: Tổ kiểm tra hàng hóa (Tổ chuyên quản); Tổ kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động các đơn vị trực thuộc. Hàng quý, thực hiện từ 1-2 cuộc kiểm tra, giám sát các đơn vị trực thuộc. Qua kết quả kiểm tra, đánh giá chung các đơn vị thực hiện theo chủ trương Công ty, tuy nhiên vẫn có một số hạn chế về nghiệp vụ của các đơn vị được nêu ra để khắc phục, chấn chỉnh.

6.6. Công tác chuyển đổi số: Thực hiện chủ trương chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ của HĐQT và cấp ủy, Công ty đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện trong cuối năm 2023 và quý I/2024, gồm các hạng mục: xây dựng bộ nhận

dạng thương hiệu, thiết kế website của Công ty, ứng dụng văn phòng điện tử và phần mềm để quản lý hoạt động SXKD kinh doanh.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những việc đã làm được

Được sự quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện kịp thời từ Đảng ủy, Hội đồng quản trị Tổng công ty, Công ty đã kiện toàn bộ máy nhân sự lãnh đạo cấp cao đặc biệt là chức danh người đứng đầu - Chủ tịch HĐQT Công ty. Nên phát huy được năng lực lãnh đạo, tập trung sức mạnh tập thể tìm giải pháp, hướng đi mới cho Công ty và thực hiện được một số công việc trọng tâm như sau:

- Nghiêm túc thực hiện mô hình quản trị tập trung về tổ chức, kinh doanh, tài chính, đầu tư và tiến đến quản trị sản xuất. Nhờ vậy, Công ty đã quản lý chặt chẽ, kịp thời mọi hoạt động, quản trị tốt dòng tiền, đầu tư kịp thời các hạng mục cấp thiết và thực hiện tốt việc hợp tác kinh doanh, phát huy nguồn lực toàn Công ty và tăng hiệu quả đáng kể, giúp Công ty duy trì tốt hiệu quả kinh doanh nhiều năm liên tục.

- Theo sát kế hoạch SXKD từng phân kỳ để triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch đề ra, từ đó có định hướng, chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt công tác sản xuất kinh doanh, đặc biệt là mặt hàng gạo.

- Hoàn thiện công tác quy hoạch cấp ủy, cán bộ quản lý trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Bộ máy tổ chức cơ bản đã tinh gọn, sử dụng lao động phù hợp với vị trí việc làm để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả doanh nghiệp.

- Tuân thủ quy định và chuẩn mực kế toán. Thực hiện cân đối, đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.

- Triển khai thực hiện các hạng mục đầu tư và sửa chữa, nâng cấp máy móc thiết bị; sắp xếp lại dây chuyền sản xuất để tối ưu hiệu quả hoạt động, tiết kiệm tối đa chi phí đầu tư; thanh lý tài sản không cần dùng, thu hồi vốn, bổ sung vào nguồn vốn kinh doanh.

- Tổ chức thành công các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm và đã triển khai thực hiện đúng nghị quyết ĐHĐCĐ đã quyết nghị tại các kỳ đại hội.

2. Những mặt chưa làm được

- Ngành lương thực công tác nghiên cứu phát triển thị trường chưa đạt yêu cầu. Giá thành sản phẩm, chất lượng chưa cạnh tranh với các doanh nghiệp khác.

- Công tác xây dựng và phát triển mạng lưới phân phối xăng dầu còn chậm.

- Cơ chế lương chưa thu hút được nguồn lao động có trình độ và tay nghề cao. Chưa tuyển dụng được nhân viên kinh doanh xuất khẩu theo yêu cầu đề ra.

- Việc thực hiện thanh lý tài sản không cần dùng còn chậm; chưa khai thác hết công năng kho xưởng.

- Tiến độ đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất tại một số đơn vị chưa đạt yêu cầu.

- Công tác chuyển đổi số, ứng dụng CNTT 4.0 có triển khai nhưng còn chậm, chưa ứng dụng được.

V. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

1. Mục tiêu chung

Công ty kinh doanh có hiệu quả, phát triển bền vững và ổn định, trong đó:

- Tiếp tục sắp xếp lại tổ chức theo hướng tinh gọn.
- Đảm bảo nguồn vốn đủ đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh.
- Tập trung vào lĩnh vực kinh doanh 3 ngành hàng hiện tại là lúa gạo, cá cơm và xăng dầu.

2. Các chỉ tiêu SXKD chủ yếu

2.1. Mua vào

- Lúa, gạo (quy gạo) : 265.000 tấn
- Cá cơm (quy tươi) : 900 tấn
- Xăng dầu : 18 triệu lít

2.2. Bán ra

- Lúa, gạo (quy gạo) : 265.000 tấn
- Cá cơm : 225 tấn
- Xăng dầu : 18 triệu lít

2.3. Doanh thu : 4.303 tỷ đồng

2.4. Lợi nhuận : 15 tỷ đồng

2.5. Nộp ngân sách : Theo quy định.

Ghi chú: Lợi nhuận trước thuế không tính thu nhập từ thanh lý tài sản và hoàn nhập dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

3. Kế hoạch tiền lương, tài chính, đầu tư năm 2024

3.1. Kế hoạch quỹ tiền lương

- Kế hoạch tổng quỹ tiền lương năm 2024 là 35.783 triệu đồng, bao gồm:
 - + Quỹ tiền lương của người quản lý (07 người): 2.730 triệu đồng;
 - + Quỹ tiền lương của người lao động (265 người): 33.053 triệu đồng.
- Kế hoạch thù lao thành viên HĐQT và BKS: 636 triệu đồng.

3.2. Kế hoạch tài chính

Công ty dự kiến huy động vốn năm 2024 là 2.820 tỷ đồng theo hình thức thế chấp tài sản, hàng tồn kho và công nợ phải thu theo đúng Nghị quyết của HĐQT.

3.3. Kế hoạch đầu tư và sửa chữa lớn

Trong năm 2024, Công ty xây dựng kế hoạch đầu tư theo hướng tập trung,

có trọng điểm, cấp thiết để nâng cấp, trang bị máy móc, thiết bị, cải tiến dây chuyền sản xuất, nhằm đáp ứng nhu cầu chế biến gạo thơm, gạo cấp cao của thị trường hiện nay. Cụ thể là trụ bơm xăng kết nối hệ thống xuất hóa đơn điện tử của xí nghiệp An Bình theo chủ trương của Chính phủ; đồng bộ hóa, sửa chữa, nâng cấp hệ thống máy tách màu, hệ thống lò sấy lúa, cân đóng bao, hệ thống nhập xuất tại các xí nghiệp lương thực, kể đến là máy lau bóng, nâng nền kho và sau cùng là kho lạnh của xí nghiệp Hòn Chông.

- Kế hoạch đầu tư, sửa chữa năm 2024 là 14,30 tỷ đồng. Trong đó:

+ Kế hoạch Đầu tư – XDCB năm 2024 là 8,31 tỷ đồng (chưa bao gồm thuế GTGT), trong đó vốn vay là 4,15 tỷ đồng, vốn Công ty và Quỹ đầu tư phát triển 4,16 tỷ đồng.

+ Kế hoạch sửa chữa, nâng cấp máy móc thiết bị năm 2024 là 5,99 tỷ đồng, dự kiến thực hiện từ nguồn vốn của Công ty.

4. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể

4.1. Về công tác quản lý điều hành kinh doanh

- Phát huy mô hình quản trị tập trung để phát huy nguồn lực toàn Công ty.
- Tiếp tục nắm bắt tốt thông tin thời vụ, thị trường; Tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát việc mua bán hàng hóa đảm bảo đúng Điều lệ, quy chế, quy định, quy trình hiện hành của Công ty và quy định của pháp luật, phòng tránh rủi ro.

- Nâng cao chất lượng, thỏa mãn nhu cầu khách hàng. Tăng cường công tác giao dịch bán hàng và khai thác khách hàng, thị trường mới, đồng thời cần thực hiện tốt công tác duy trì, chăm sóc khách hàng truyền thống.

- Tăng cường hơn nữa việc khai thác thông tin và dự báo.

- Tổ chức đánh giá, chọn nhà cung ứng, khách hàng có năng lực, uy tín. Ngành xăng dầu giữ mối quan hệ với các doanh nghiệp đầu mối, nắm bắt thông tin về mức chiết khấu, chính sách bán hàng từng thời điểm của doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác mua bán, tăng vòng quay hàng tồn kho để đạt kế hoạch sản lượng, thu hồi được định phí và có lãi.

- Thực hiện tốt công tác bí mật thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.2. Về công tác quản lý điều hành sản xuất

- Xây dựng kế hoạch mua vào, bán ra đảm bảo phương án tối ưu và hiệu quả

- Tăng cường công tác quản lý sản xuất, quản lý chất lượng: hợp lý hóa quy trình sản xuất, lưu kho, bảo quản hàng hoá; Ngành lương thực ưu tiên mua lúa, gạo xô để khai thác công suất máy móc thiết bị; Thực hiện kiểm soát và tiết giảm chi phí... để hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh.



- Trong sản xuất phải đảm bảo theo đúng quy trình, quy chế của Công ty và quy định của Pháp luật, đặc biệt chú trọng an toàn tiền hàng, thường xuyên kiểm soát chất lượng, số lượng hàng hóa tồn kho.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo tiêu chuẩn ATVSTP, nhất là các sản phẩm tiêu dùng trực tiếp như mặt hàng cá cơm ăn liền.

- Định hướng tạo thêm sản phẩm mới là gạo thơm đóng gói túi nhỏ (01-10 kg/túi) bán tại siêu thị cung cấp cho thị trường châu Âu.

4.3. Về công tác huy động vốn, quản lý tài chính kế toán

- Tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính, mở rộng quan hệ tín dụng với các ngân hàng trong nước và quốc tế, đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.

- Tăng cường công tác theo dõi tỷ giá hối đoái, tập trung vào các nước xuất nhập khẩu gạo, cân đối đồng tiền vay có hiệu quả.

- Tuân thủ quy định và chuẩn mực kế toán.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ tình hình sử dụng vốn, tài sản tại các đơn vị trực thuộc, kiểm soát chi phí nhằm sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả, bảo toàn nguồn vốn, không để rủi ro xảy ra và phát sinh công nợ khó đòi.

4.4. Về công tác tổ chức, nhân sự

- Tiếp tục thực hiện công tác kiện toàn nhân sự quản lý và sắp xếp lại tổ chức bộ máy để bố trí, sử dụng lao động phù hợp với mô hình, theo hướng tinh gọn, nâng cao phương thức quản trị để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả doanh nghiệp.

- Tiếp tục đào tạo, tuyển dụng và thu hút nhân sự đáp ứng đủ nguồn nhân lực cho Công ty. Chú trọng nhân viên kinh doanh xuất nhập khẩu, có khả năng phát triển thị trường xuất khẩu, bán hàng và phát triển hệ thống cung ứng mua hàng.

- Hoàn thiện các quy chế quản lý, hệ thống quy định, quy trình áp dụng thống nhất trong toàn Công ty.

- Tăng cường công tác đoàn kết nội bộ và bảo vệ bí mật trong SXKD.

4.5. Về công tác đầu tư

- Tiếp tục triển khai đúng với kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản đã được phê duyệt. Thực hiện đầu tư đúng trình tự và quy định của Pháp luật về đầu tư.

- Rà soát, nâng cấp MMTB, ưu tiên các hạng mục, dự án cấp thiết; điều chuyển hợp lý hóa hệ thống máy móc thiết bị nhằm giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng chế biến để đáp ứng nhu cầu của thị trường hiện nay.

- Tìm kiếm đối tác hợp tác, khai thác, nhận ký gửi hàng hóa lúa gạo, công nghệ phẩm để tận dụng tối đa hiệu suất sử dụng kho, thiết bị của Công ty.

- Rà soát, thanh lý tài sản không cần dùng để thu hồi vốn kịp thời, hiệu quả.

4.6. Công tác thu hồi công nợ

Tập trung quyết liệt công tác thu hồi công nợ, đặc biệt là đề ra giải pháp đảm

bảo thu hồi được nợ khó đòi nhằm lành mạnh tài chính.

4.7. Về công tác chuyển đổi số

Tập trung nghiên cứu và tổ chức triển khai chủ trương của Tổng công ty về ứng dụng chuyển đổi số vào công tác quản lý, điều hành như sau:

- Ứng dụng phần mềm iOffice quản lý văn bản điện tử;
- Ứng dụng phòng họp không giấy tờ;
- Ứng dụng phần mềm vào quản lý hoạt động SXKD (quản lý sản xuất, quản lý bán hàng trong và ngoài nước) trong từng ngành nghề.

Trên đây là báo cáo kết quả SXKD năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý Cổ đông;
- Lưu: VT, P.KHKD.



Dương Thị Thanh Nguyệt





CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 31 /TTr-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày 12 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam ký ngày 20/02/2024.

Báo cáo tài chính được lập bao gồm báo cáo tài chính đã được công bố thông tin và đăng tải trên Website www.kigimex.com.vn.

1. Báo cáo Kiểm toán độc lập;
2. Bảng Cân đối kế toán;
3. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh;
4. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ;
5. Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Toàn văn báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán và được công bố thông tin, trong đó ý kiến kết luận của Kiểm toán viên được trình bày nội dung như sau:

" Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

(Đính kèm toàn văn Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, P.TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bạch Ngọc Văn

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang thuộc Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – Công ty cổ phần) thành công ty cổ phần theo Quyết định số 11/QĐ-HĐTV ngày 16/01/2015 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 07/11/2005, các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ 21 ngày 28/3/2023 về việc cập nhật thông tin căn cước công dân của người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: KIEN GIANG IMPORT & EXPORT JOINT STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700100989 thay đổi lần thứ 21 ngày 28/3/2023 là 254.300.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bốn tỷ, ba trăm triệu đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn UpCOM. Mã giao dịch: KGM.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch
Ông Đoàn Huỳnh Dũng	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 12/10/2023)
Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên
Ông Mai Thành Công	Thành viên (Bầu bổ sung ngày 01/12/2023)
Ông Phan Hùng Minh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/3/2023)
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên
Ông Đặng Quốc Việt	Thành viên (Bầu bổ sung ngày 28/3/2023)

BAN KIỂM SOÁT

Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên
Bà Vũ Thị Minh Hiền	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/3/2023)
Bà Trần Thị Phương Lan	Thành viên (Bầu bổ sung ngày 28/3/2023)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Dương Thị Thanh Nguyệt
Tổng Giám đốc

Kiên Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2024

Số: 80/2024/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, được lập ngày 12/01/2024, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Mai Hoa
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2024

Vũ Xuân Hùng

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2022-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		865.550.848.824	805.018.068.766
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	149.461.474.363	473.315.910.679
1. Tiền	111		149.461.474.363	419.315.910.679
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	54.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		169.424.798.654	94.843.280.018
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	166.422.930.654	85.222.697.843
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	2.334.968.659	9.799.819.820
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.126.350.025	280.213.039
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(459.450.684)	(459.450.684)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	492.183.119.332	194.606.176.702
1. Hàng tồn kho	141		525.119.202.134	214.589.458.375
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(32.936.082.802)	(19.983.281.673)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		54.481.456.475	42.252.701.367
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	1.324.636.590	1.203.312.470
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		53.069.423.709	41.049.268.897
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	87.396.176	120.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		191.639.243.344	203.215.897.535
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		75.000.000	48.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	75.000.000	48.000.000
II. Tài sản cố định	220		133.718.295.071	144.852.345.909
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	133.718.295.071	144.852.345.909
- Nguyên giá	222		460.629.560.972	456.069.754.461
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(326.911.265.901)	(311.217.408.552)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.356.388.307	1.356.388.307
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	1.356.388.307	1.356.388.307
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		56.489.559.966	56.959.163.319
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	56.489.559.966	56.959.163.319
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.057.190.092.168	1.008.233.966.301

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		786.136.585.621	744.213.995.496
I. Nợ ngắn hạn	310		783.100.388.880	741.448.153.555
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	343.853.871.958	48.817.094.849
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	13.718.429.736	45.269.244.263
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	5.943.542.676	4.045.710.132
4. Phải trả người lao động	314		9.020.990.609	5.465.578.421
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	19.994.671.686	9.091.373.041
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	642.686.249	8.642.182.837
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	380.428.915.900	616.688.281.847
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		7.500.000.000	636.819.378
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.997.280.066	2.791.868.787
II. Nợ dài hạn	330		3.036.196.741	2.765.841.941
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	3.036.196.741	2.765.841.941
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		271.053.506.547	264.019.970.805
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	271.053.506.547	264.019.970.805
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		254.300.000.000	254.300.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		254.300.000.000	254.300.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.209.733.538	4.039.313.829
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.543.773.009	5.680.656.976
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		40.204.417	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.503.568.592	5.680.656.976
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.057.190.092.168	1.008.233.966.301

Người lập biểu



Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng



Trần Thị Điệp

Kiên Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2024

Tổng Giám đốc



Dương Thị Thanh Nguyệt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	7.282.204.058.373	4.258.633.894.568
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	14.352.000.000	752.670.750
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	7.267.852.058.373	4.257.881.223.818
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	6.585.983.917.770	3.794.190.842.021
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		681.868.140.603	463.690.381.797
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	60.324.729.415	34.972.988.186
7. Chi phí tài chính	22	6.4	107.872.083.791	67.306.601.845
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		58.242.141.651	27.985.703.290
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	528.093.904.820	376.150.329.247
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	65.463.271.279	34.437.662.847
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		40.763.610.128	20.768.776.044
11. Thu nhập khác	31	6.6	2.519.162.739	1.986.622.823
12. Chi phí khác	32	6.6	22.257.678.503	11.799.062.266
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(19.738.515.764)	(9.812.439.443)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		21.025.094.364	10.956.336.601
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	8.521.525.772	5.275.679.625
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		12.503.568.592	5.680.656.976
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	492	208

Người lập biểu

Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Điệp

Kiên Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2024

Tổng Giám đốc



Dương Thị Thanh Nguyệt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

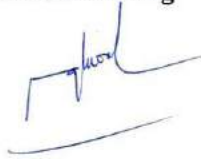
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.025.094.364	10.956.336.601
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		15.659.449.778	16.677.926.066
- Các khoản dự phòng	03		19.815.981.751	(19.014.165.862)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		375.012.258	8.582.873.934
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.626.940.801)	(671.148.044)
- Chi phí lãi vay	06		58.242.141.651	27.985.703.290
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		111.490.739.001	44.517.525.985
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(86.896.649.707)	244.501.495.399
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(310.529.743.759)	113.179.995.677
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		270.307.435.677	4.955.201.615
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		348.279.233	(1.687.778.379)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(58.651.194.792)	(27.550.281.041)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.657.438.937)	(1.974.182.805)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.590.243.961
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.044.214.000)	(1.349.499.692)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(81.632.787.284)	376.182.720.720
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.559.806.511)	(9.297.438.664)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.046.110.216
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.780.803.815	270.832.979
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(779.002.696)	(7.980.495.469)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		5.944.940.420.782	3.072.209.646.553
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.181.239.521.929)	(2.983.216.110.005)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.086.000.000)	(1.859.397.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(241.385.101.147)	87.134.138.948
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(323.796.891.127)	455.336.364.199
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		473.315.910.679	26.300.477.326
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(57.545.189)	(8.320.930.846)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	149.461.474.363	473.315.910.679

Người lập biểu



Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng



Trần Thị Diệp

Kiên Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2024



Tổng Giám đốc

Dương Thị Thanh Nguyệt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang thuộc Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần) thành công ty cổ phần theo Quyết định số 11/QĐ-HĐTV ngày 16/01/2015 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 07/11/2005, các Giấy phép thay đổi gần đây nhất là lần thứ 21 ngày 28/3/2023 về việc cập nhật thông tin căn cước công dân của người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: KIEN GIANG IMPORT & EXPORT JOINT STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700100989 thay đổi lần thứ 21 ngày 28/3/2023 là 254.300.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bốn tỷ, ba trăm triệu đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn UpCOM. Mã giao dịch: KGM.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 254 người (tại ngày 31/12/2022 là 270 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Trồng lúa;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Xây xát và sản xuất bột thô;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (không kinh doanh tại trụ sở công ty) - Kinh doanh củi trấu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn xi măng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột (mì, miến đóng gói,...); thực phẩm khác (cá đóng hộp, cà phê đóng gói, cà phê sữa, sữa Milo, dầu ăn, nước mắm, nước tương, tương ớt, hạt nêm, trà,...); thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ bia, nước ngọt, trà xanh các loại, nước yến, nước tinh khiết đóng chai, sương sâm, trái vải,...;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan (không kinh doanh tại trụ sở công ty);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh (bông giấy vệ sinh, tã, nước tẩy, xà bông bột, nước xả, nhang muỗi,...);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn nông sản;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn thủy sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất chế biến, kinh doanh các mặt hàng lương thực, cá cơm và kinh doanh xăng dầu./

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tại ngày 31/12/2023 bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực xuất khẩu An Hòa	44 Ngô Thời Nhiệm, phường An Bình, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Tân Phú	Áp Tân Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Thạnh Hưng	Áp Thạnh Trung, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng	Tổ 4, ấp Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Thắng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Sơn Thuận	Áp Vàm Răng, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến Cá Cơm Hòn Chông	Xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Kinh Doanh Xăng Dầu An Bình	44 Ngô Thời Nhiệm, phường An Bình, tỉnh Kiên Giang

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT -BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ giao dịch phát sinh tại các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc và văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, nợ phải thu...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2023.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2023.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ, bao bì chờ phân bổ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (Tiếp theo)*****Chi phí bảo hiểm***

Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tương đương với thời gian hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm liên quan.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm các khoản trả trước để thuê đất, trong đó bao gồm cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình và các chi phí khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận và phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của Hợp đồng thuê đất tương ứng với thời gian từ 40-50 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

- Chi phí lãi vay phải trả: trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.
- Các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài khác: được trích trước khi thực tế Công ty đã nhận được hàng hóa, dịch vụ liên quan, tuy nhiên chưa nhận được hóa đơn, giá trị trích trước được căn cứ vào hợp đồng, hoặc thỏa thuận giữa Công ty và nhà cung cấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay từ các Ngân hàng thương mại cổ phần.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tài chính sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty phê duyệt mức chia cổ tức.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm (các mặt hàng lương thực như lúa gạo, cá cơm và các mặt hàng xăng, dầu, dầu nhờn) và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Doanh thu cung cấp dịch vụ (Tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm khoản giảm giá hàng bán, là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ hoặc khi thanh toán nợ phải trả, hoặc thu hồi các khoản nợ phải thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ các khoản trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và các khoản giảm khác đối với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là Sản xuất chế biến, kinh doanh các mặt hàng lương thực, cá cơm và kinh doanh xăng dầu và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là trong nước và nước ngoài. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	1.460.390.500	308.947.700
Tiền gửi ngân hàng	148.001.083.863	419.006.962.979
Các khoản tương đương tiền	-	54.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	-	54.000.000.000
Tổng	149.461.474.363	473.315.910.679

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Akila Trading (PTY) Ltd	-	2.068.273.500
Sikakroabea Co.Ltd (i)	25.715.633.278	1.180.495.134
Công ty TNHH Chế biến lương thực Thanh Nhân	-	12.017.385
Perum BULOG	-	54.952.634.000
At Korea Agro-Fisheries & Food Trade Corporation	-	12.706.300.713
Dilai Trading Co PTE. Ltd	106.637.249.176	-
Phải thu các đối tượng khác (i)	34.070.048.200	14.302.977.111
Tổng	166.422.930.654	85.222.697.843

(i) Trong đó, Quyền đòi nợ (bao gồm số dư nợ phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2023 là 35.973.828.478 VND) và lợi ích phát sinh từ các Hợp đồng bán gạo với khách hàng được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đức Tài Tiền Giang	356.500.000	-
Công ty Cổ phần Hoàng Minh Nhật Agri Corp Limited	1.410.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Đạt Nghĩa	-	2.566.258.375
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Lương thực Vinh Phát	-	2.040.000.000
Phải thu các đối tượng khác	568.468.659	3.990.000.000
Tổng	2.334.968.659	9.799.819.820

5.4 Phải thu khác

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tạm ứng cho nhân viên	1.126.350.025	(126.350.025)	280.213.039	(126.350.025)
Lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn	1.000.000.000	-	-	-
Phải thu khác	-	-	153.863.014	-
	126.350.025	(126.350.025)	126.350.025	(126.350.025)
Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	75.000.000	-	48.000.000	-
	75.000.000	-	48.000.000	-
Tổng	1.201.350.025	(126.350.025)	328.213.039	(126.350.025)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.5 Nợ xấu

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Các khoản phải thu khách hàng	199.757.000	-	(199.757.000)	199.757.000	-	(199.757.000)
Công ty TNHH Mỹ Nghi - Nguyễn Ngọc Thảo	129.757.000	-	(129.757.000)	129.757.000	-	(129.757.000)
Công ty TNHH Tâm Hùng	70.000.000	-	(70.000.000)	70.000.000	-	(70.000.000)
Trả trước cho người bán	133.343.659	-	(133.343.659)	133.343.659	-	(133.343.659)
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Thiên Nam Dương	17.604.000	-	(17.604.000)	17.604.000	-	(17.604.000)
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Duy Tân	65.739.659	-	(65.739.659)	65.739.659	-	(65.739.659)
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Bảo	50.000.000	-	(50.000.000)	50.000.000	-	(50.000.000)
Phải thu khác	126.350.025	-	(126.350.025)	126.350.025	-	(126.350.025)
Công ty TNHH Hoàng Mỹ	51.385.725	-	(51.385.725)	51.385.725	-	(51.385.725)
DNTN Mê Linh, An Giang	40.808.300	-	(40.808.300)	40.808.300	-	(40.808.300)
DNTN Út Hoàng (Lê Thị Hoàng)	34.156.000	-	(34.156.000)	34.156.000	-	(34.156.000)
Tổng	459.450.684	-	(459.450.684)	459.450.684	-	(459.450.684)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANGSố 85 – 87 đường Lạc Hồng,
Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang**Mẫu số B 09 – DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu (i)	188.322.808.980	(17.421.166.014)	120.354.766.819	(10.602.690.570)
Công cụ, dụng cụ	2.651.899.958	-	572.562.029	-
Thành phẩm (i)	25.088.361.809	(1.820.616.788)	26.621.281.074	(3.683.433.570)
Hàng hóa (i)	309.056.131.387	(13.694.300.000)	67.040.848.453	(5.697.157.533)
Tổng	525.119.202.134	(32.936.082.802)	214.589.458.375	(19.983.281.673)

(i) Giá trị hàng tồn kho, bao gồm nguyên liệu chính, thành phẩm và hàng hóa, luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang hình thành từ vốn vay được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay đối với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc (Thuyết minh số 5.15) tại ngày 31/12/2023 là 513.197.985.719 VND (tại ngày 01/01/2023: 213.327.407.021 VND).

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	1.324.636.590	1.203.312.470
Công cụ, dụng cụ, bao bì chờ phân bổ	517.972.050	462.601.732
Chi phí sửa chữa tài sản	409.089.735	454.330.105
Chi phí bảo hiểm	159.401.217	131.833.580
Chi phí bốc xếp, đồ học, gia công hàng chờ xuất	166.998.255	135.713.715
Các khoản khác	71.175.333	18.833.338
Dài hạn	56.489.559.966	56.959.163.319
Công cụ, dụng cụ, bao bì chờ phân bổ	692.548.118	665.191.475
Chi phí sửa chữa tài sản	8.926.460.934	7.895.529.142
Chi phí bảo hiểm	117.830.833	161.904.328
Tiền thuê đất trả trước (i)	46.674.598.487	47.926.093.583
Các chi phí khác	78.121.594	310.444.791
Tổng	57.814.196.556	58.162.475.789

(i) Tiền thuê đất trả trước trình bày giá trị còn lại của các quyền sử dụng đất có nguồn gốc từ đất giao có thu tiền sử dụng đất với thời gian thuê tối đa 50 năm. Theo các văn bản của Cục thuế tỉnh Kiên Giang, các lô đất này không phải trả tiền thuê đất trong khoản thời gian còn lại.

Tại ngày 31/12/2023, giá trị còn lại chưa phân bổ của các quyền sử dụng đất thuê đề cập bên trên đang được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng thương mại cổ phần là 45.079.259.408 VND (tại ngày 01/01/2023: 46.292.542.796 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 – 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYỄN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2023	226.984.005.678	152.878.128.779	73.807.483.268	884.344.630	1.515.792.106	456.069.754.461
Tăng trong năm	810.296.259	295.900.000	3.407.810.252	45.800.000	-	4.559.806.511
Mua trong năm	810.296.259	295.900.000	3.407.810.252	45.800.000	-	4.559.806.511
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	227.794.301.937	153.174.028.779	77.215.293.520	930.144.630	1.515.792.106	460.629.560.972
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2023	147.587.489.757	99.945.436.161	61.407.818.414	799.308.913	1.477.355.307	311.217.408.552
Tăng trong năm	5.805.887.051	6.960.942.603	2.874.581.471	42.230.780	10.215.444	15.693.857.349
Khấu hao trong năm	5.805.887.051	6.960.942.603	2.874.581.471	42.230.780	10.215.444	15.693.857.349
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	153.393.376.808	106.906.378.764	64.282.399.885	841.539.693	1.487.570.751	326.911.265.901
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2023	79.396.515.921	52.932.692.618	12.399.664.854	85.035.717	38.436.799	144.852.345.909
Tại ngày 31/12/2023	74.400.925.129	46.267.650.015	12.932.893.635	88.604.937	28.221.355	133.718.295.071

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 92.311.843.864 VND (tại ngày 31/12/2022: 73.862.109.080 VND).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đang được cầm cố thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 98.146.916.052 VND (tại ngày 31/12/2022: 105.319.779.975 VND).

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31/12/2023 là 4.857.843.108 VND (tại ngày 31/12/2022: 4.861.219.345 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công trình mở rộng sân phơi, nhà ở công nhân tại Xí nghiệp Cá Cơm (i)	1.356.388.307	1.356.388.307
Tổng	1.356.388.307	1.356.388.307

(i) Chi phí đầu tư cho Công trình mở rộng sân phơi, nhà ở công nhân tại Xí nghiệp Cá Cơm bao gồm tiền chi để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chi phí tư vấn, và các khoản chi phí đầu tư khác. Trong năm 2023, Công ty đã lập tờ trình số 2192/TTr-XNK-KTĐT ngày 12/12/2023 gửi Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang; Phòng Tài nguyên - Môi trường; Phòng Quản lý Đô thị về việc xin điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất để thực hiện dự án mở rộng sân phơi cá cơm, nhà ở công nhân thuộc công trình Xí nghiệp chế biến cá cơm Hòn Chông, xã Bình An, huyện Kiên Lương. Dự kiến Công trình nêu trên sẽ được tiếp tục thực hiện trong năm 2024.

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thảo Minh Châu	-	-	94.003.718	94.003.718
Siam Golden Rice Company Limited	95.042.640.000	95.042.640.000	-	-
Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Ngọc Thiên Hương	148.488.493.500	148.488.493.500	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Chế biến lương thực Thắng Lợi	-	-	45.150.000.000	45.150.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Xuất khẩu Gạo Ngọc Hân Lê	79.195.000.000	79.195.000.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	21.127.738.458	21.127.738.458	3.573.091.131	3.573.091.131
Tổng	343.853.871.958	343.853.871.958	48.817.094.849	48.817.094.849

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Syarikat Pelangi Tinggi	10.594.208.743	26.138.522.867
Timor Food Unipessoal LDA	89.182.470	16.234.033.000
Các đối tượng khác	3.035.038.523	2.896.688.396
Tổng	13.718.429.736	45.269.244.263

Trong đó:

Người mua trả tiền trước là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

- 379.804.839

5.12 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
Phải nộp	4.045.710.132	9.094.360.231	7.196.527.687	5.943.542.676
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.029.866.662	8.521.525.772	6.657.438.937	5.893.953.497
Thuế thu nhập cá nhân	15.843.470	152.407.715	118.662.006	49.589.179
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	407.426.744	407.426.744	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	13.000.000	13.000.000	-
Phải thu	120.000	-	87.276.176	87.396.176
Thuế giá trị gia tăng	120.000	-	-	120.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	87.276.176	87.276.176

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	341.686.407	750.739.548
Trích trước các khoản chi phí làm hàng	18.500.143.450	7.484.634.005
Trích trước chi phí vận chuyển	344.552.658	-
Trích trước chi phí sửa chữa	-	395.488.070
Trích trước chi phí dịch vụ	585.449.171	281.000.000
Các khoản khác	222.840.000	179.511.418
Tổng	19.994.671.686	9.091.373.041

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	25.904.516
Phải trả lãi tiền lãi chậm nộp tiền cổ phần hóa cho Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	-	7.902.592.072
Phải trả, phải nộp khác	642.686.249	713.686.249
Tổng	642.686.249	8.642.182.837
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	-	7.902.592.072

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2023 (VND)		Biến động trong năm (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	380.428.915.900	380.428.915.900	5.944.913.555.982	6.181.172.921.929	616.688.281.847	616.688.281.847
<i>Vay ngắn hạn trong năm</i>	<i>377.250.515.900</i>	<i>377.250.515.900</i>	<i>5.941.771.155.982</i>	<i>6.178.660.921.929</i>	<i>614.140.281.847</i>	<i>614.140.281.847</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kiên Giang (i)	19.267.778.970	19.267.778.970	1.464.417.869.830	1.580.715.333.023	135.565.242.163	135.565.242.163
Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	452.709.112.000	452.709.112.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc (ii)	325.259.046.930	325.259.046.930	2.144.840.676.052	2.161.777.112.419	342.195.483.297	342.195.483.297
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Kiên Giang	-	-	255.934.741.000	255.934.741.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Cần Thơ	-	-	27.277.098.000	27.277.098.000	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Sài Gòn (iii)	10.989.000.000	10.989.000.000	611.263.877.000	736.654.433.387	136.379.556.387	136.379.556.387
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh (iv)	21.734.690.000	21.734.690.000	985.327.782.100	963.593.092.100	-	-
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>3.178.400.000</i>	<i>3.178.400.000</i>	<i>3.142.400.000</i>	<i>2.512.000.000</i>	<i>2.548.000.000</i>	<i>2.548.000.000</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc (v)	3.178.400.000	3.178.400.000	3.142.400.000	2.512.000.000	2.548.000.000	2.548.000.000
b) Vay dài hạn	3.036.196.741	3.036.196.741	3.479.354.800	3.209.000.000	2.765.841.941	2.765.841.941
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc (v)	3.036.196.741	3.036.196.741	3.479.354.800	3.209.000.000	2.765.841.941	2.765.841.941
Tổng	383.465.112.641	383.465.112.641	5.948.392.910.782	6.184.381.921.929	619.454.123.788	619.454.123.788



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kiên Giang theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0035/23/HĐK-KIGIMEX ngày 06/6/2023 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-0035/23/HĐK-KIGIMEX ngày 20/6/2023. Giới hạn cấp tín dụng tối đa cho Công ty là 400.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2023, số dư nợ vay tại Ngân hàng tương ứng với Hợp đồng tín dụng cụ thể sau:

Ngành hàng kinh doanh xăng dầu: Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0035/23/0341/RG/XD ngày 06/6/2023;

- Hạn mức cho vay: 60.000.000.000 VND;
- Thời hạn hiệu lực: từ ngày hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 05/6/2024;
- Thời hạn cho vay của từng khoản vay: tối đa là 03 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay.
- Mục đích vay: phục vụ cho kinh doanh xăng dầu;
- Lãi suất: được xác định cụ thể tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;

Các khoản tín dụng với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình gồm máy móc, dây chuyền sản xuất, tài sản gắn liền với đất tại Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng trực thuộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh hình thành từ vốn vay, quyền tài sản phát sinh từ tất cả các Hợp đồng ký giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang và bên mua/bên thứ ba hình thành từ nguồn vốn vay do Ngân hàng tài trợ.

- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 03/2023/679501/HĐTD ngày 20/6/2023 với các thông tin chi tiết như sau:

- Hạn mức cấp tín dụng: 400.000.000.000 VND;
- Thời hạn hiệu lực: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất: được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất thuê, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh hình thành từ vốn vay do Ngân hàng tài trợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 1401LAV230103971 ngày 12/12/2023 với các thông tin chi tiết như sau:
- Hạn mức cho vay: 200.000.000.000 VND;
 - Thời hạn hiệu lực: đến hết ngày 11/12/2024;
 - Mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - Lãi suất: theo quy định tại khế ước nhận nợ;
 - Hình thức đảm bảo tiền vay: ký quỹ 5% trị giá bảo lãnh, LC; thế chấp tài sản cố định hữu hình thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - Tại ngày 31/12/2023, các khoản vay ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Sài Gòn có giá trị là 450.000 USD, tương đương 10.989.000.000 VND.
- (iv) Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 943/2023/HDTD ngày 18/09/2023 với các thông tin chi tiết như sau:
- Hạn mức cho vay: 500.000.000.000 VND;
 - Thời hạn hiệu lực: 12 tháng tính từ ngày ký Hợp đồng này;
 - Thời hạn của từng khoản vay: tối đa 04 tháng đối với thu mua lúa gạo phục vụ sản xuất, kinh doanh lúa gạo trong nước/xuất khẩu và không vượt quá 06 tháng đối với giải ngân khi chưa có hợp đồng xuất khẩu đầu ra;
 - Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho: hoạt động xuất khẩu gạo, thu mua lúa gạo sản xuất trong nước;
 - Lãi suất: theo quy định tại từng khế ước nhận nợ;
 - Hình thức đảm bảo tiền vay: cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo theo chính sách tín dụng của Ngân hàng.
 - Tại ngày 31/12/2023, các khoản vay ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh có giá trị là 890.000 USD, tương đương 21.734.690.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(v) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn sau:

Hợp đồng số 01/2022/679501/HĐTD ngày 29/4/2022:

- Số tiền vay: 4.150.567.592 VND;
- Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định gián tiếp, phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày Ngân hàng giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất cho vay trong hạn: 9%/năm; áp dụng trong 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian này, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần hoặc khi mặt bằng lãi suất trên thị trường có biến động;
- Lãi suất quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn;
- Lãi chậm trả đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nhưng tối đa không quá 2.000.000 VND/lần chậm trả;
- Nợ gốc vay được trả trong 12 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng hoặc hàng quý, vào ngày 25 cuối cùng hàng kỳ trả nợ.
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay;

Hợp đồng cấp tín dụng số 03/2022/67950/HĐTD ngày 18/11/2022:

- Số tiền vay: 3.434.555.250 VND;
- Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định gián tiếp, phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày Ngân hàng giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất cho vay trong hạn: 10%/năm; áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian này, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần hoặc khi mặt bằng lãi suất trên thị trường có biến động;
- Lãi suất quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn;
- Lãi chậm trả đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nhưng tối đa không quá 2.000.000 VND/lần chậm trả;
- Nợ gốc vay được trả trong 12 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng hoặc hàng quý, vào ngày 25 cuối cùng hàng kỳ trả nợ;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Hợp đồng cấp tín dụng số 04/2023/679501/HĐTD ngày 30/6/2023:

- Số tiền vay: 800.000.000 VND;
- Mục đích vay: Mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thời hạn vay: 36 tháng;
- Lãi suất cho vay trong hạn: 09%/tháng được áp dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian này, áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau của BIDV + Margin tối thiểu là 5% và được xác định, điều chỉnh 06 tháng một lần;
- Lãi suất quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn;
- Lãi chậm trả đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nhưng tối đa không quá 2.000.000 VND/lần chậm trả;
- Nợ gốc vay được trả trong 12 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng hoặc hàng quý, vào ngày 25 cuối cùng hàng kỳ trả nợ;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng cấp tín dụng số 05/2023/679501/HĐTD ngày 01/12/2023:

- Số tiền vay: 1.200.000.000 VND;
- Mục đích vay: Mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thời hạn vay: 36 tháng;
- Lãi suất cho vay trong hạn: 8,3%/tháng được áp dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian này, áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của BIDV + Margin tối thiểu là 4,7% và được xác định, điều chỉnh 06 tháng một lần;
- Lãi suất quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn;
- Lãi chậm trả đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nhưng tối đa không quá 2.000.000 VND/lần chậm trả;
- Nợ gốc vay được trả trong 12 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng hoặc hàng quý, vào ngày 25 cuối cùng hàng kỳ trả nợ;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay.

Tại ngày 31/12/2023, tổng số dư nợ vay trung dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc là 6.214.596.741 VND, trong đó, các khoản nợ vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng tiếp theo tính tại ngày 31/12/2023 là 3.178.400.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2022	254.300.000.000	2.656.581.947	13.827.318.819	270.783.900.766
Lãi trong năm trước	-	-	5.680.656.976	5.680.656.976
Chia cổ tức	-	-	(11.138.340.000)	(11.138.340.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	1.382.731.882	(1.382.731.882)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.067.973.749)	(1.067.973.749)
Trích Quỹ thưởng ban điều hành	-	-	(138.273.188)	(138.273.188)
Trích Quỹ tham gia từ thiện xã hội	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	254.300.000.000	4.039.313.829	5.680.656.976	264.019.970.805
Số dư tại ngày 01/01/2023	254.300.000.000	4.039.313.829	5.680.656.976	264.019.970.805
Lãi trong năm nay	-	-	12.503.568.592	12.503.568.592
Chia cổ tức (i)	-	-	(5.086.000.000)	(5.086.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	170.419.709	(170.419.709)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(227.226.280)	(227.226.280)
Trích Quỹ thưởng người quản lý (i)	-	-	(56.806.570)	(56.806.570)
Trích Quỹ tham gia từ thiện xã hội (i)	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2023	254.300.000.000	4.209.733.538	12.543.773.009	271.053.506.547

(i) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 39/NQ-XNK-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2023, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

- Trích lập Quỹ thưởng người quản lý: 01% lợi nhuận sau thuế, tương đương 56.806.570 VND;
- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển: 03% lợi nhuận sau thuế, tương đương 170.419.709 VND;
- Trích lập Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi: 04% lợi nhuận sau thuế, tương đương 227.226.280 VND;
- Trích lập Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội: 1,76% lợi nhuận sau thuế, tương đương 100.000.000 VND;
- Chia cổ tức bằng tiền mặt: 2% trên vốn điều lệ (200 VND/cổ phần), tương đương 5.086.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	21.184.800	83,31%	211.848.000.000	21.184.800	83,31%	211.848.000.000
Ông Đặng Quốc Việt	-	0,00%	-	2.643.000	10,39%	26.430.000.000
Các cổ đông khác	4.245.200	16,69%	42.452.000.000	1.602.200	6,30%	16.022.000.000
Tổng	25.430.000	100,00%	254.300.000.000	25.430.000	100,00%	254.300.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	254.300.000.000	254.300.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	254.300.000.000	254.300.000.000
Cổ tức đã chia	5.086.000.000	11.138.340.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.430.000	25.430.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.430.000	25.430.000
Cổ phiếu phổ thông	25.430.000	25.430.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.430.000	25.430.000
Cổ phiếu phổ thông	25.430.000	25.430.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	4.209.733.538	4.039.313.829

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.17 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

a. Tài sản thuê ngoài

Công ty ký kết các Hợp đồng thuê đất tại địa phương nơi đặt văn phòng và các xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất kinh doanh, kho bãi với thời hạn thuê tối đa là 50 năm. Trong đó bao gồm:

- Thuê đất trả tiền một lần cho cả thời hạn thuê: để sử dụng làm trụ sở làm việc, nhà để xe với tổng diện tích là 867,7 m²;
- Thuê đất trả tiền hàng năm: để sử dụng làm cơ sở chế biến lương thực xuất khẩu, chế biến cá cơm xuất khẩu, kinh doanh xăng dầu với tổng diện tích là 299.032,2 m².

b. Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Giá trị theo loại ngoại tệ		
Đô la Mỹ (USD)	5.806.565,62	16.956.406,43
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	130,19	167,64
Giá trị tương đương VND		
Đô la Mỹ (USD)	139.779.935.805	396.685.035.183
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	3.447.301	4.134.505

c. Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng nợ phải thu khó đòi đã xử lý	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>	Năm xử lý
	VND	VND	
Lữ Thị Bông	25.000.000	25.000.000	Năm 2013
Công ty Xuất nhập khẩu Phú Thọ	12.735.935	12.735.935	Năm 2016
Nguyễn Thị Tuyết - Tàu Tiên Phương	46.255.000	46.255.000	Năm 2016
Trần Thanh Đỉnh - XN An Hòa	166.982.720	166.982.720	Năm 2019
DNTN Thành Phước	229.845.000	229.845.000	Năm 2019
Trần Quốc Đoan	168.738.419	168.738.419	Năm 2019
Trung tâm tư vấn Dịch vụ Xây dựng huyện Kiên Lương	15.000.000	15.000.000	Năm 2019
KUO Corp - Xi măng (193.760,00 USD)	4.482.637.600	4.482.637.600	Năm 2019
KUO Corp - phí tòa án Xi măng (12.339,98 USD)	285.485.437	285.485.437	Năm 2019
Chi nhánh DNTN Mỹ lệ	17.900.000	17.900.000	Năm 2019
Công ty TNHH Tâm Huy	602.770.000	602.770.000	Năm 2019
Tổng	<u>6.053.350.111</u>	<u>6.053.350.111</u>	

Nguyên nhân của việc xóa nợ: Các khoản nợ phải thu là nợ phải thu khó đòi trên 03 năm và đã được trích lập dự phòng, một số khoản phải thu khách hàng có giá trị lớn đã được Công ty khởi kiện ra tòa án nhưng chưa thể thi hành án do các khách hàng không còn tài sản để thu hồi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	7.281.197.963.349	4.255.631.181.099
Doanh thu cung cấp dịch vụ	861.106.774	1.467.734.971
Doanh thu khác	144.988.250	1.534.978.498
Tổng	7.282.204.058.373	4.258.633.894.568
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>68.359.147.382</i>	<i>59.529.491.359</i>

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	14.352.000.000	752.670.750
Tổng	14.352.000.000	752.670.750

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu thuần		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	7.266.845.963.349	4.254.878.510.349
Doanh thu cung cấp dịch vụ	861.106.774	1.467.734.971
Doanh thu khác	144.988.250	1.534.978.498
Tổng	7.267.852.058.373	4.257.881.223.818

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	6.571.005.358.469	3.811.223.531.433
Giá vốn hàng tồn kho hao hụt bảo quản	2.025.758.172	2.618.295.828
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	12.952.801.129	(19.650.985.240)
Tổng	6.585.983.917.770	3.794.190.842.021
<i>Trong đó:</i>		
<i>Mua hàng từ các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>30.734.974.154</i>	<i>63.661.225.551</i>

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi	3.626.940.801	424.695.993
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	56.697.788.614	32.626.562.945
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	1.921.729.248
Tổng	60.324.729.415	34.972.988.186

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	58.242.141.651	27.985.703.290
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	49.051.261.735	30.282.603.177
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	375.012.258	8.582.873.934
Các khoản chi phí tài chính khác	203.668.147	455.421.444
Tổng	107.872.083.791	67.306.601.845

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí bán hàng	528.093.904.820	376.150.329.247
Chi phí nhân công	1.593.531.501	1.428.580.578
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, và bao bì	130.232.276.256	138.540.671.304
Chi phí khấu hao tài sản cố định	636.547.176	805.663.390
Chi phí dịch vụ mua ngoài	387.073.521.412	231.547.415.072
Chi phí bằng tiền khác	8.558.028.475	3.827.998.903
Chi phí quản lý doanh nghiệp	65.463.271.279	34.437.662.847
Chi phí nhân công	29.265.441.822	13.427.502.367
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, và dụng cụ quản lý	3.008.835.594	1.024.020.091
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.966.903.223	1.188.698.004
Thuế phí và lệ phí	60.182.649	71.884.649
Chi phí dự phòng	3.263.180.622	636.819.378
- Trích lập chi phí văn phòng sửa chữa định kỳ	3.900.000.000	-
- (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng quỹ tiền lương	(636.819.378)	636.819.378
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.530.560.316	3.411.368.839
Chi phí bằng tiền khác	20.368.167.053	14.677.369.519
Tổng	593.557.176.099	410.587.992.094
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí bán hàng với các bên liên quan</i>	-	10.799.689
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.6 Thu nhập khác, Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	246.452.051
Nhập kho trấu năm 2022 chuyển sang	664.589.500	-
Thu nhập từ bán phế liệu thu hồi, công cụ dụng cụ	40.909.091	395.584.999
Thu nhập từ tiền khách hàng chuyển hoàn lại	469.929.500	-
Các khoản phạt, bồi thường hợp đồng kinh tế nhận được	477.103.605	953.240.750
Các khoản khác	866.631.043	391.345.023
Tổng	2.519.162.739	1.986.622.823
Chi phí khác		
Các khoản phạt và hủy hợp đồng kinh tế	3.771.506.628	11.161.884.110
Chi phí bồi thường tổn thất của hợp đồng kinh tế	18.295.021.486	-
Các khoản phạt vi phạm hành chính và tiền chậm nộp	-	80.617.436
Phí lưu kho, lưu bãi, xử lý chứng từ	68.390.245	513.665.737
Chi phí khác	122.760.144	42.894.983
Tổng	22.257.678.503	11.799.062.266
Lợi nhuận khác	(19.738.515.764)	(9.812.439.443)

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.025.094.364	10.956.336.601
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>21.640.362.192</i>	<i>15.422.561.154</i>
<i>Các khoản phạt vi phạm hành chính và tiền nộp chậm</i>	<i>-</i>	<i>80.617.436</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>569.878.142</i>	<i>250.772.180</i>
<i>Chi phí lãi vay thuần không được trừ theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020</i>	<i>20.928.274.094</i>	<i>6.338.035.472</i>
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối năm do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ</i>	<i>142.209.956</i>	<i>8.753.136.066</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(57.827.697)</i>	<i>(499.632)</i>
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá cuối năm do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ</i>	<i>(57.827.697)</i>	<i>(499.632)</i>
Thu nhập chịu thuế	42.607.628.859	26.378.398.123
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	42.607.628.859	26.378.398.123
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.521.525.772	5.275.679.625
Tổng	8.521.525.772	5.275.679.625

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 (Trình bày lại) (ii) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	12.503.568.592	5.680.656.976
Các khoản điều chỉnh	-	(384.032.850)
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý</i>	-	(284.032.850)
<i>Quỹ tham gia từ thiện xã hội</i>	-	(100.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (i)	12.503.568.592	5.296.624.126
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	25.430.000	25.430.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (i)	492	208

(i) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý và Quỹ tham gia từ thiện xã hội. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý và Quỹ tham gia từ thiện xã hội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(ii) Công ty xác định lại lãi cơ bản trên cổ phiếu do số trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý và Quỹ tham gia từ thiện xã hội thay đổi theo kết quả phân chia lợi nhuận năm 2022, được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 39/NQ-XNK-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2023. Số liệu cụ thể như sau:

	Số đã trình bày trên Báo cáo năm trước VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	5.680.656.976	5.680.656.976	-
Các khoản điều chỉnh	-	(384.032.850)	(384.032.850)
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý</i>	-	(284.032.850)	(284.032.850)
<i>Quỹ tham gia từ thiện xã hội</i>	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	5.680.656.976	5.296.624.126	(384.032.850)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	25.430.000	25.430.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	223	208	(15)

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.379.245.289.555	1.345.870.044.352
Chi phí kinh doanh hàng hóa thương mại	4.278.033.363.387	2.514.653.551.702
Chi phí nhân công	48.397.889.935	29.851.805.961
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.910.944.874	17.929.421.162
Chi phí dịch vụ mua ngoài	413.299.075.203	246.015.231.675
Chi phí khác bằng tiền	29.805.629.899	19.141.749.802
(Hoàn nhập)/Trích lập các khoản dự phòng	(636.819.378)	636.819.378
Tổng	7.165.055.373.475	4.174.098.624.032

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan chủ yếu mà Công ty có giao dịch trong năm:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ
2	Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ
3	Công ty Lương thực Đồng Tháp	Chi nhánh của Công ty mẹ
4	Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh của Công ty mẹ
5	Công ty Lương thực Trà Vinh	Chi nhánh của Công ty mẹ
6	Công ty Lương thực Long An	Chi nhánh của Công ty mẹ
	Các nhân sự chủ chốt của Công ty gồm: các thành viên	Ảnh hưởng đáng kể
7	Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các thành viên lân cận trong gia đình họ	

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch	120.000.000	84.000.000
Ông Đoàn Huỳnh Dũng	Nguyên Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Ông Mai Thành Công	Thành viên HĐQT	7.000.000	
Ông Phan Hùng Minh	Nguyên thành viên HĐQT	21.000.000	84.000.000
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Ông Đặng Quốc Việt	Thành viên HĐQT	63.000.000	
Ông Trần Công Lý	Thư ký Công ty	48.000.000	48.000.000

Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên Ban Kiểm soát	48.000.000	48.000.000
Bà Vũ Thị Minh Hiền	Nguyên thành viên Ban Kiểm soát	-	48.000.000
Bà Trần Thị Phương Lan	Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000	-

Thu nhập từ việc quản lý chuyên trách của các Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách, Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT	99.600.000	61.200.000
Ông Đoàn Huỳnh Dũng	Nguyên Phó Chủ tịch HĐQT	483.675.000	489.600.000
Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	521.856.000	489.600.000
Ông Mai Thành Công	Thành viên HĐQT	9.927.200	
Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát	380.120.000	353.600.000
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	380.120.000	353.600.000
Ông Phan Hùng Minh	Thành viên HĐQT	15.600.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.1. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<u>Mua hàng</u>			30.734.974.154	63.661.225.551
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ	Mua hàng ủy thác	-	39.878.845.001
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ	Mua tài sản cố định	323.000.000	624.200.000
		Chi phí sửa chữa tài sản	2.039.975.000	17.500.000
		Phí gia công	-	25.000.000
Công ty Lương thực Trà Vinh	Chi nhánh của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	1.404.000.000	990.000.000
Công ty Lương thực Long An	Chi nhánh của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	11.255.353.750	22.125.680.550
Công ty Lương thực Đồng Tháp	Chi nhánh của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	15.702.355.000	-
Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	10.290.404	-
<u>Mua dịch vụ</u>			-	10.799.689
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ	Phí giao nhận, ủy thác, phí làm hàng	-	10.799.689
<u>Bán hàng</u>			68.359.147.382	59.529.491.359
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ	Bán hàng ủy thác	-	1.151.931.900
		Bán hàng hóa	68.246.004.524	57.238.515.000
		Phí ủy thác xuất khẩu	-	4.755.859
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng hóa	-	1.116.000.000
Công ty Lương thực Long An	Chi nhánh của Công ty mẹ	Bán hàng hóa	-	18.288.600
Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh của Công ty mẹ	Bán hàng hóa	113.142.858	-

c. Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<u>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</u>			
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ	-	379.804.839
		-	379.804.839
<u>Phải trả ngắn hạn khác</u>			
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ	-	7.902.592.072
		-	7.902.592.072

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2. Báo cáo bộ phận

a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

	Kinh doanh lượng thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	6.921.097.019.083	325.498.670.859	21.256.368.431	7.267.852.058.373
<i>Lợi nhuận gộp trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận</i>	<i>668.800.883.386</i>	<i>10.869.780.682</i>	<i>2.197.476.535</i>	<i>681.868.140.603</i>
Chi phí thuần của bộ phận	628.776.467.692	10.225.862.573	2.102.200.210	641.104.530.475
<i>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận</i>	<i>40.024.415.694</i>	<i>643.918.109</i>	<i>95.276.325</i>	<i>40.763.610.128</i>

Chi phí liên quan đến tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Kinh doanh lượng thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
Chi phí đã phát sinh trong kỳ để mua tài sản cố định	4.419.536.511	140.270.000	-	4.559.806.511
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.914.498.026	984.203.004	760.748.748	15.659.449.778
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.252.116.679	144.347.463	742.982.513	7.139.446.655

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)***Tài sản và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2023**Đơn vị tính: VND*

	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
<i>Tài sản bộ phận</i>				
Tài sản cố định	117.829.043.922	5.503.318.346	10.385.932.803	133.718.295.071
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.356.388.307	1.356.388.307
Các khoản phải thu	158.279.479.113	10.428.420.200	50.000.000	168.757.899.313
Hàng tồn kho	477.326.183.432	5.479.576.685	9.377.359.215	492.183.119.332
Tài sản không thể phân bổ				261.174.390.145
Tổng	753.434.706.467	21.411.315.231	21.169.680.325	1.057.190.092.168
<i>Nợ bộ phận</i>				
Các khoản phải trả	376.248.398.416	395.761.793	922.813.171	377.566.973.380
Phải trả tiền vay				383.465.112.641
Nợ phải trả không phân bổ				22.068.302.859
Tổng	376.248.398.416	395.761.793	922.813.171	783.100.388.880

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)***Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**Đơn vị tính: VND*

	Kinh doanh lượng thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	3.763.861.121.793	465.389.578.344	28.630.523.681	4.257.881.223.818
Lợi nhuận gộp trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	446.801.827.009	11.449.445.700	5.439.109.088	463.690.381.797
Chi phí thuần của bộ phận	427.747.554.597	11.864.569.246	3.309.481.910	442.921.605.753
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	19.054.272.412	(415.123.546)	2.129.627.178	20.768.776.044

Chi phí liên quan đến tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Kinh doanh lượng thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
Chi phí đã phát sinh trong năm để mua tài sản cố định	5.658.641.852	-	3.638.796.812	9.297.438.664
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.890.956.038	1.076.393.842	710.576.186	16.677.926.066
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.867.240.027	432.203.219	346.198.788	6.645.642.034

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)***Tài sản và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2022*

	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	<i>Đơn vị tính: VND</i> Tổng
Tài sản bộ phận				
Tài sản cố định	127.325.444.970	6.347.251.350	11.179.649.589	144.852.345.909
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.356.388.307	1.356.388.307
Các khoản phải thu	81.568.506.752	13.404.010.911	50.000.000	95.022.517.663
Hàng tồn kho	176.099.865.327	10.636.404.370	7.869.907.005	194.606.176.702
Tài sản không thể phân bổ				572.396.537.720
Tổng	384.993.817.049	30.387.666.631	20.455.944.901	1.008.233.966.301
Nợ bộ phận				
Các khoản phải trả	102.181.758.535	965.046.998	30.906.620	103.177.712.153
Phải trả tiền vay (không phân bổ)				619.454.123.788
Nợ phải trả không phân bổ				21.582.159.555
Tổng	102.181.758.535	965.046.998	30.906.620	744.213.995.496

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

b. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Đơn vị tính: VND

Doanh thu bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	<u>Thị trường xuất khẩu</u>	<u>Thị trường nội địa</u>	<u>Tổng cộng</u>
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	6.057.225.193.028	1.210.626.865.345	7.267.852.058.373

Doanh thu bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	<u>Thị trường xuất khẩu</u>	<u>Thị trường nội địa</u>	<u>Tổng cộng</u>
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	3.066.262.121.964	1.191.619.101.854	4.257.881.223.818

7.3. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Điệp

Kiên Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2024
Tổng Giám đốc



Dương Thị Thanh Nguyệt



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 32 /TT-Tr-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày 12 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2024 với các chỉ tiêu chính như sau:

I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

1. Mua vào

- Lương thực (quy gạo) : 265.000 tấn
- Cá cơm (quy tươi) : 900 tấn
- Xăng dầu : 18 triệu lít

2. Bán ra

- Lương thực (quy gạo) : 265.000 tấn
- Cá cơm (thành phẩm) : 225 tấn
- Xăng dầu : 18 triệu lít

3. Doanh thu : 4.303 tỷ đồng

4. Lợi nhuận trước thuế : 15 tỷ đồng

5. Nộp ngân sách: thực hiện theo đúng quy định.

II. Kế hoạch đầu tư phát triển

STT	Tên dự án và hạng mục đầu tư	Kế hoạch năm 2024 (triệu đồng)		
		Tổng cộng	Vốn vay tối đa	Vốn CTy
I.	Chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2023 sang năm 2024	2.600	1.400	1.200
1.	Xí nghiệp CBCC Hòn Chông	2.000	1.400	600
1.1.	Tàu thu mua Cá cơm (tàu đã qua sử dụng)	2.000	1.400	600
2.	Xí nghiệp CBLT XK Thạnh Hưng	300		300
2.1.	Hệ thống báo cháy tự động	300		300
3.	Văn phòng Công ty	300		300
3.1.	Hạng mục chuyển đổi số	300		300

STT	Tên dự án và hạng mục đầu tư	Kế hoạch năm 2024 (triệu đồng)		
		Tổng cộng	Vốn vay tối đa	Vốn Cty
II.	Kế hoạch đầu tư mới năm 2024	5.710	2.751	2.959
1.	Xí nghiệp CBLT XK Thạnh Hưng	860	560	300
1.1.	Hệ thống băng tải xuất nhập vượt lộ	800	560	240
1.2.	Cân băng tải 01 cây (mới 100%)	60		60
2.	Xí nghiệp CBLT XK Sơn Thuận	400		400
2.1.	05 băng tải di động (6 mét/cây)	230		230
2.2.	Máy nén khí 5,5kW cho hệ thống cân xuất	50		50
2.3.	Cân băng tải 02 cây (mới 100%)	120		120
3.	Xí nghiệp CBLT XK An Hòa	3.130	2.191	939
3.1.	01 máy tách màu công suất 08 - 12 tấn/giờ	1.250	875	375
3.2.	Máy nén khí 100 Hp	570	399	171
3.3.	Thiết bị phụ trợ máy tách màu	530	371	159
3.4.	Hệ thống băng tải nhập hàng trên không	780	546	234
4.	Xí nghiệp CBLT XK Tân Phú	300		300
4.1.	01 cân xuất đóng bao 50 kg	300		300
5.	Xí nghiệp KD XD An Bình	800		800
5.1.	Đầu tư mới 2 trụ bơm xăng dầu	200		200
5.2.	Đầu tư lắp đặt trụ bơm xuất hoá đơn điện tử	600		600
6.	Văn phòng Công ty	220		220
6.1.	Màn hình led (Hội trường/phòng họp)	220		220
	Tổng cộng	8.310	4.151	4.159

(Giá trị đầu tư theo kế hoạch này chưa bao gồm thuế, phí theo quy định)


Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, P.TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bạch Ngọc Văn



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 33 /TTr-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày 12 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán;

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024, như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 xem xét thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023, như sau:

STT	Chỉ tiêu	Phân phối	
		Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1.	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		21.025.094.364
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp		8.521.525.772
3.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	100%	12.503.568.592
3.1.	- Quỹ thưởng người quản lý (2,4% LNST)	2,4%	299.125.000
3.2.	- Quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)	10%	1.250.356.859
3.3.	- Quỹ khen thưởng (05% LNST)	05%	625.178.430
3.4.	- Quỹ phúc lợi (05% LNST)	05%	625.178.430
3.5.	- Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội	0,8%	100.000.000
3.6.	- Lợi nhuận sau thuế năm 2023 còn lại	76,8%	9.603.729.873
4.	Lợi nhuận sau thuế năm 2022 chuyển sang		40.204.417
5.	Lợi nhuận sau thuế dùng để chi trả cổ tức		9.643.934.290
5.1.	- Cổ tức chi bằng tiền mặt: 3,75%/vốn điều lệ Công ty tương ứng 375 đồng/cổ phần (*)		9.536.250.000
5.2.	- LNST còn lại chuyển sang năm 2024		107.684.290

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Phân phối	
		Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1.	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		15.000.000.000
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp		3.000.000.000
3.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	100%	12.000.000.000
3.1.	- Quỹ thưởng người quản lý chuyên trách (03% LNST)	03%	360.000.000
3.2.	- Quỹ đầu tư phát triển (10% LNST)	10%	1.200.000.000
3.3.	- Quỹ khen thưởng (05% LNST)	05%	600.000.000
3.4.	- Quỹ phúc lợi (05% LNST)	05%	600.000.000
3.5.	- Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội (0,83% LNST)	0,83%	100.000.000
3.6.	- Lợi nhuận sau thuế năm 2024 còn lại	76,17%	9.140.000.000
4.	Lợi nhuận sau thuế năm 2023 chuyển sang		107.684.290
5.	Lợi nhuận sau thuế dùng để chi trả cổ tức		9.247.684.290
5.1.	- Trả cổ tức năm 2024 chi bằng tiền mặt: 3,59%/vốn điều lệ Công ty tương ứng 359 đồng/cổ phần (*)		9.129.370.000
5.2.	Lợi nhuận sau thuế còn lại chuyển sang năm sau		118.314.290

(*) Ủy quyền Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn thời gian chi trả cổ tức năm 2023 và tạm ứng cổ tức năm 2024 (nếu thấy cần thiết), thực hiện các thủ tục cần thiết để chốt danh sách cổ đông với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, P.TCHC.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Bạch Ngọc Văn



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 34 /TTr-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày 2 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP xuất nhập khẩu Kiên Giang

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán;

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tờ trình về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2024 như sau:

1. Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023

1.1. Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động: 33.072 triệu đồng

1.2. Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý: 2.393 triệu đồng.

1.3. Thù lao HĐQT, BKS, thư ký là 523 triệu đồng, cụ thể:

- Hội đồng quản trị : 379 triệu đồng
- Ban kiểm soát : 96 triệu đồng
- Thư ký : 48 triệu đồng

2. Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2024

2.1. Kế hoạch quỹ tiền lương của Người lao động: 33.053 triệu đồng.

2.2. Kế hoạch quỹ tiền lương của Người quản lý: 2.730 triệu đồng.

2.3. Kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS, thư ký là 636 triệu đồng, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT : 10 triệu đồng/người/tháng
- Phó chủ tịch HĐQT thường trực : 9 triệu đồng/người/tháng
- Phó chủ tịch HĐQT : 8 triệu đồng/người/tháng
- Thành viên HĐQT : 7 triệu đồng/người/tháng
- Thành viên BKS : 4 triệu đồng/người/tháng

- Thư ký

: 4 triệu đồng/người/tháng

Căn cứ vào quỹ tiền lương và mức thù lao kế hoạch, Công ty quyết định mức lương phù hợp, tạm ứng tiền lương hàng tháng cho người quản lý; tạm ứng thù lao hàng tháng không vượt mức kế hoạch như trên.

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh cuối năm và các quy định có liên quan, công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông quỹ lương và tổng thù lao thực hiện để quyết toán và chi trả cho các chức danh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, P.TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bạch Ngọc Văn



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 3 /TT-XNK-BKS

Kiên Giang, ngày 12 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông CTCP xuất nhập khẩu Kiên Giang

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty như sau:

1. Về các tiêu chí, hình thức lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập

- Chọn đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các công ty đại chúng.

- Không xung đột quyền lợi khi kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang (*việc kiểm toán BCTC phải độc lập với việc tư vấn lập BCTC*).

- Có nhiều kinh nghiệm kiểm toán đối với các Công ty đại chúng tại Việt Nam.

- Có uy tín về chất lượng kiểm toán.

- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán do Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang yêu cầu.

Với các tiêu chí trên Ban kiểm soát đề xuất 04 Công ty kiểm toán để đưa vào danh sách lựa chọn kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 cho Công ty như sau:

(1) Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

(2) Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC.

(3) Công ty TNHH kiểm toán KPMG Việt Nam.

(4) Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam.

2. Đề xuất của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chấp thuận cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn 01 trong 04 Công ty kiểm toán trên, thực hiện việc kiểm toán và soát xét Báo cáo

tài chính trong năm 2024 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, đồng thời Hội đồng quản trị được ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán được chọn theo đúng quy định của Pháp luật.


Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, BKS.



Trần Thị Mai Trinh



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 35 /TTr-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v Thực hiện các hợp đồng hoặc giao dịch với người có liên quan

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định các hợp đồng hoặc giao dịch với người có liên quan theo khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và điểm a khoản 6 điều 43 Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty, cụ thể như sau:

Chấp thuận cho HĐQT được phép ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty được ký giữa Công ty với các đối tượng sau đây:

- Các đối tượng là tổ chức có liên quan đến Cổ đông lớn sở hữu 83,31% vốn điều lệ Công ty (*Tổng Công ty Lương thực miền Nam – CTCP*):

+ Tổng công ty Lương thực miền Nam – CTCP.

+ Các Công ty thành viên, Chi nhánh của Tổng công ty Lương thực miền Nam.

+ Các công ty con của Tổng công ty Lương thực miền Nam.

- Các đối tượng là thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ; hoặc các tổ chức mà thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty có liên quan.

- Hội đồng quản trị chấp thuận ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng trên trong năm 2024 (*từ 01/01/2024 đến ngày họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025*). Tổng giám đốc báo cáo bằng văn bản gửi HĐQT chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày Công ty ký hợp đồng, giao dịch với các đối tượng có liên quan nêu trên, trong đó nêu rõ một số

nội dung chính của hợp đồng (Tên hàng hóa, số lượng, giá trị hợp đồng, hình thức thanh toán, thời gian giao hàng và đính kèm hợp đồng đã ký).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, P.TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bạch Ngọc Văn



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 36 /TTr-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày 14 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của Ông Đặng Quốc Việt (Đính kèm đơn xin từ nhiệm).

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2021 – 2026 với các nội dung sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị

- Số lượng nhân sự Hội đồng quản trị miễn nhiệm: 01 người
- Nhân sự đề nghị miễn nhiệm: Ông Đặng Quốc Việt, thành viên Hội đồng quản trị Công ty
- Thời gian miễn nhiệm có hiệu lực: tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua.

2. Thông qua việc bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: 01 người
- Nhiệm kỳ 2021 – 2026
- Số lượng ứng viên thành viên Hội đồng quản trị tối đa: Không hạn chế
- Tiêu chuẩn ứng viên tham gia Hội đồng quản trị (Theo khoản 1 điều 155 của Luật Doanh nghiệp và điều 275 nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ).
- Danh sách ứng viên đề cử: Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-LTMN-HĐQT ngày 13/3/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam về việc cử bà Trần Tú Khanh, Trưởng phòng Xuất nhập khẩu Công ty cổ phần xuất nhập

khẩu Kiên Giang, tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2021 – 2026.

(Đính kèm Sơ yếu lý lịch ứng cử viên)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, P.TCHC.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Bạch Ngọc Văn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐƠN XIN TỪ NHIỆM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Kính gửi:

- Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Tôi tên là: Đặng Quốc Việt

CCCD số: 087088018704, cấp ngày 23/09/2022

Địa chỉ: 125 Tổ 4, Ấp 1, Mỹ Ngãi, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp

Hiện đang là Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, nhiệm kì 2021 – 2026.

Nay vì lí do bận việc cá nhân, không sắp xếp được thời gian để đảm nhiệm công việc được phân công, không thể tiếp tục đảm nhiệm nhiệm vụ này. Đồng thời, đến thời điểm hiện tại tôi không còn là Cổ đông lớn tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang. Nay tôi làm đơn này kính gửi Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang chấp thuận cho tôi xin từ nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, nhiệm kì 2021 – 2026.

Kính mong Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang chấp thuận đơn từ nhiệm của tôi.

Tôi xin chân thành cảm ơn Hội đồng quản trị và Quý cổ đông đã tin tưởng và đồng hành trong suốt thời gian qua. Kính chúc Hội đồng quản trị cùng toàn thể Quý cổ đông Công ty sức khỏe, thành công và may mắn trong công việc, chúc Công ty ngày càng phát triển thịnh vượng.

Trân trọng!

Đồng Tháp, ngày 17 tháng 03 năm 2024

Người làm đơn



Đặng Quốc Việt



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các ứng viên vào Hội đồng quản trị)

Họ và tên : Trần Tú Khanh

Ứng cử viên : Thành viên Hội đồng quản trị

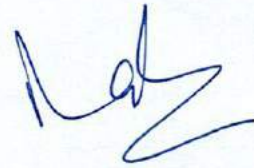
Họ và tên:	Trần Tú Khanh
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	08/4/1982
Quê quán	Xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, Kiên Giang
Nơi sinh:	Châu Thành, Kiên Giang
CCCD: 091182008587	Ngày cấp: 04/11/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	174/6 Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang
Số điện thoại liên lạc:	0918421787
Trình độ chuyên môn:	- Đại học Quản trị khách sạn & du lịch - Chứng chỉ C tiếng Anh
Quá trình công tác:	+ Từ 01/2005 đến 01/2007: Nhân viên phòng Tổ chức hành chính Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang); + Từ 01/2007 đến 08/2012: Nhân viên phòng Kế hoạch kinh doanh – Xuất nhập khẩu Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang); + Từ 09/2012 đến 02/2014: Phó trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh – Xuất nhập khẩu Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang); + Từ 03/2014 đến 09/2023: Phó trưởng phòng Xuất nhập khẩu Công ty CP XNK Kiên Giang; + Từ tháng 10/2023 đến nay: Trưởng phòng Xuất nhập khẩu CTCP XNK Kiên Giang.
Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Trưởng phòng Xuất nhập khẩu	
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không	
Các lợi ích liên quan đến Công ty (nếu có): Không	
Số CP nắm giữ (tại thời điểm 01/03/2024):	8.600 cổ phần, chiếm 0,034% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	8.600 cổ phần, chiếm 0,034% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty:	1. Mỗi quan hệ: Chồng Nguyễn Trường Giang, nắm giữ 8.600 CP, chiếm 0,034% vốn điều lệ.
	2. Mỗi quan hệ: Tên cá nhân/tổ chức: nắm giữ: CP, chiếm % vốn điều lệ.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Kho... hang..., ngày 01 tháng 3 năm 2024

Người khai ký tên, ghi rõ họ tên



Trần Lợi Khanh



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

Số: 37 /TTr-XNK-HĐQT

Kiên Giang, ngày 12 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ đơn xin từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát của ông Nguyễn Trường Giang (Đính kèm đơn xin từ nhiệm).

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2021 – 2026, với các nội dung sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên ban kiểm soát

- Số lượng nhân sự kiểm soát viên miễn nhiệm: 01 người
- Nhân sự đề nghị miễn nhiệm: ông Nguyễn Trường Giang, thành viên Ban kiểm soát Công ty.
- Thời gian miễn nhiệm có hiệu lực: tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua.

2. Thông qua việc bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát

- Số lượng kiểm soát viên: 01 người
- Nhiệm kỳ 2021 – 2026
- Số lượng ứng viên Kiểm soát viên tối đa: Không hạn chế
- Tiêu chuẩn ứng viên tham gia Ban kiểm soát (*Theo điều 169 của Luật Doanh nghiệp và điều 286 nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ*).
- Danh sách ứng viên đề cử: Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-LTMN-HĐQT ngày 13/3/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam về việc cử ông Trần Công Lý, Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang, tham gia ứng cử thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2021 – 2026.

(Đính kèm Sơ yếu lý lịch ứng cử viên)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, P.TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bạch Ngọc Văn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi:

- Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Xuất nhập khẩu Kiên Giang;
- Hội đồng Quản trị Công ty;
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty.

Tôi tên: **Nguyễn Trường Giang**, hiện đang là thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Xuất nhập khẩu Kiên Giang, nhiệm kỳ 2021-2026.

Nay vì lý do bản thân cần tập trung vào công tác chuyên môn và tăng cường cho công tác quản lý, quản trị tại Xí nghiệp Kinh doanh Xăng dầu An Bình đạt được hiệu quả tốt hơn nên tôi không thể tiếp tục đảm nhận nhiệm vụ này.

Tôi làm đơn này kính trình và đề nghị Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cho phép tôi được miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

Tôi xin chân thành cảm ơn Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi hoàn thành nhiệm vụ thành viên Ban kiểm soát trong thời gian vừa qua.

Trân trọng,

Kiên Giang, ngày 18 tháng 03 năm 2024

Người làm đơn



Nguyễn Trường Giang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các ứng viên vào Ban kiểm soát)

Họ và tên : Trần Công Lý
Ứng cử viên : Thành viên ban kiểm soát

Họ và tên:	Trần Công Lý
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	12/10/1977
Nơi sinh:	Hòn Đất, Kiên Giang
Quê quán	Xã Hội An Đông, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp
CCCD: 091077018186	Ngày cấp: 28/9/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	F1 15-16 Hoàng Văn Thụ, phường Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang
Số điện thoại liên lạc:	0982 572 121
Trình độ chuyên môn:	- Đại học Tài chính kế toán - Văn bằng 2 Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- + Từ 05/2001 đến 01/2002: Nhân viên phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang);
- + Từ 02/2002 đến 05/2004: Nhân viên Kế toán Xí nghiệp CBLT XK Giồng Riềng trực thuộc Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang);
- + Từ 06/2004 đến 01/2006: Tổ trưởng Kế toán Xí nghiệp CBLT XK Giồng Riềng trực thuộc Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang);
- + Từ 02/2006 đến 04/2007: Phó trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang);
- + Từ 05/2007 đến 06/2010: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang);
- + Từ 07/2010 đến 05/2011: Nhân viên phòng Tổ chức hành chính, phòng Kỹ thuật đầu tư Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang);
- + Từ 06/2011 đến 02/2012: Tổ trưởng Kế toán Xí nghiệp CBLT XK Sơn Thuận trực thuộc Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang);
- + Từ tháng 03/2012 đến nay: Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Trưởng phòng Tổ chức hành chính

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

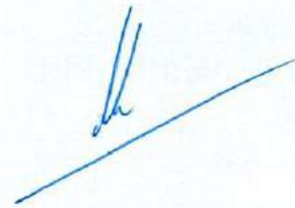
Các lợi ích liên quan đến Công ty (nếu có): Không

Số CP nắm giữ (tại thời điểm 01/03/2024):	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu: cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu: cổ phần, chiếm% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty:	1. Mối quan hệ: không
	2. Mối quan hệ: Tên cá nhân/tổ chức: nắm giữ: CP, chiếm % vốn điều lệ.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Kiên Giang, ngày 01 tháng 3 năm 2024

Người khai ký tên, ghi rõ họ tên



Trần Công Lý